



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM (VICS)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 105/2022/VICS/NQ-ĐHĐCĐ

Phủ Thọ, ngày 29 tháng 03 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022 CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (VICS)

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam ("Công ty VICS");
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông số 104/2022/VICS/BBH-ĐHĐCĐ của Công ty ngày 29 tháng 03 năm 2022;
- Xét tình hình thực tế.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn và thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021, kế hoạch năm 2022 tại Báo cáo số 019/2022/BC-HĐQT ngày 07/03/2022 của Hội đồng quản trị.

Điều 2. Phê chuẩn và thông qua Báo cáo hoạt động kinh doanh của Ban Điều hành năm 2021, kế hoạch kinh doanh năm 2022 tại Báo cáo số 15/2022/BC-BĐH ngày 07/03/2022 của Ban Điều hành. Trong đó có một số nội dung như sau:

1. Kết quả kinh doanh năm 2021

Chỉ tiêu	2020	2021	Đơn vị: Tỷ đồng
			Tỷ lệ 2021/2020
Tổng doanh thu	6,64	12,2	183,73%
Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	3,15	10,5	333,33%
Doanh thu hoạt động đầu tư CK, hợp tác kinh doanh chứng khoán	0,32	0,059	18,44%

Doanh thu hoạt động tư vấn	2,49	0,15	6,02%
Doanh thu khác	0,68	0,99	145,59%
Lợi nhuận trước thuế	(3,49)	1,42	

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2022

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021			Năm 2022
		Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ Thực hiện/kế hoạch	Kế hoạch
A	Tổng doanh thu	12,2	10,5	116%	350
I	Doanh thu kinh doanh	6,64	10,2	65%	350
1	Doanh thu từ hoạt động môi giới	10,5	5,2	202%	100
2	Doanh thu hoạt động tự doanh, đầu tư tài chính khác	0,059	0,5	12%	140
3	Doanh thu hoạt động tư vấn	0,15	4	4%	10
4	Doanh thu khác	0,99	0,5	198%	100
B	Tổng chi phí	10,78	9,8	110%	180
I	Chi phí kinh doanh	7,64	4	191%	100
II	Chi phí quản lý doanh nghiệp	0,64	5,5	12%	50
III	Chi phí khác	0,25	0,3	83%	30
C	Lợi nhuận trước thuế	1,42	0,7	203%	170
D	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ	42			

Điều 3. Phê chuẩn và thông qua Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2021, kế hoạch năm 2022 tại Báo cáo số 008/2022/BC-BKS ngày 07/03/2022 của Ban Kiểm soát.

Điều 4. Phê chuẩn và thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021 và lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022. Trong đó có một số nội dung như sau:

1. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2021: Được đăng tải trên website chính thức của Công ty: vics.com.vn

2. Lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022:

Căn cứ vào các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập đã được Ban kiểm soát đưa ra trong Tờ trình số 021 /TTr-BKS ngày 07/03/2022, ĐHĐCĐ giao cho HĐQT quyết định việc chọn một trong ba đơn vị kiểm toán sau đây và giao cho Tổng Giám đốc Công ty ký Hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với Công ty kiểm toán được lựa chọn theo đúng quy định:

- Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC;
- Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội;
- Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế.

Điều 5. Phê chuẩn và thông qua việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021 và kế hoạch chi trả năm 2022. Trong đó có một số nội dung như sau:

1. Chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021

Công ty thực hiện chi trả thù lao cho các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát năm 2021 như sau:

- Chủ tịch HĐQT : 3.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên HĐQT : 3.000.000 đồng/người/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát : 3.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên Ban kiểm soát : 2.000.000 đồng/người/tháng
- Thư ký Công ty : 2.000.000 đồng/tháng

Tổng mức thù lao chi trả năm 2021 là: 216.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm mười sáu triệu đồng chẵn)

2. Kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2022:

2.1. Thù lao chi trả cho HĐQT (bao gồm Chủ tịch, Phó chủ tịch và 03 ủy viên): 164.000.000 đồng/năm, trong đó:

- Chủ tịch HĐQT : 3.000.000 đồng/tháng
- Phó chủ tịch HĐQT : 3.000.000 đồng/tháng
- Các ủy viên HĐQT : 3.000.000 đồng/người/tháng

2.2. Thù lao chi trả cho Ban Kiểm soát (bao gồm 01 Trưởng BKS và 02 thành viên BKS): 84.000.000 đồng/năm, trong đó:

- Trưởng Ban kiểm soát : 3.000.000 đồng/tháng
- Các thành viên Ban kiểm soát : 2.000.000 đồng/người/tháng

Tổng mức thù lao chi trả năm 2022 dự kiến là: 248.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tám triệu đồng chẵn)

Điều 6. Phê chuẩn và thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2021 và dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2022. Cụ thể:

- **Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:**

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)
I	KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY	
1	Tổng doanh thu	12,2
2	Tổng chi phí	10,78
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	1,42
4	Thuế TNDN hiện hành	0
5	Thuế TNDN hoãn lại	0
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1,42
II	Dự kiến trình ĐHĐCĐ về việc phân phối lợi nhuận sau thuế	(167,29)
1	Tổng LN sau thuế chưa phân phối	1,42
1.1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(168,71)
1.2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021	1,42
2	Dự kiến phân phối như sau	
2.1	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 0 % LNST	0

Do công ty còn đang lỗ lũy kế nên không phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021.

- Kế hoạch dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2022:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)
I	KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY	
1	Tổng doanh thu kế hoạch	350
2	Tổng chi phí kế hoạch	180
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	170
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	140
II	Dự kiến trình ĐHĐCĐ về việc phân phối lợi nhuận sau thuế	(27,29)
1	Tổng LN sau thuế chưa phân phối	
1.1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(167,29)
1.2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022	140
2	Dự kiến phân phối như sau	
2.1	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 0 % LNST	0

- Do Công ty còn đang lỗ lũy kế nên công ty dự kiến không phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 và để xóa lỗ lũy kế.

- Mục tiêu trong năm 2022 công ty phải thực hiện xóa hết lỗ lũy kế từ nguồn lợi nhuận để lại và các nguồn thặng dư vốn khác.

Điều 7. Phê chuẩn và thông qua việc thay đổi tên công ty, cụ thể:

1. Tên hiện tại:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

- Tên tiếng Anh: **VIET NAM INDUSTRIAL & COMMERCIAL SECURITIES CORPORATION**

- Tên viết tắt: **VICS**
2. Tên sau thay đổi:
- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM**

- Tên tiếng Anh: **VIETNAM INVESTMENT SECURITIES CORPORATION**
- Tên viết tắt: **VISC**

3. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động lựa chọn tên công ty khác, trong trường hợp tên Công ty Cổ Phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam không được chấp thuận trong quá trình nộp hồ sơ và làm việc với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4. ĐHĐCĐ giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành Quyết định thay đổi vào thời điểm phù hợp nhưng không trễ hơn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung này.

5. ĐHĐCĐ giao cho Hội đồng quản trị cập nhật, sửa đổi Điều lệ Công ty; tiến hành các thủ tục tại Cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng ký việc thay đổi tên Công ty theo quy định của pháp luật. Sau khi đổi tên, Công ty sẽ hoạt động với tên mới.

Điều 8. Phê chuẩn và thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của công ty, cụ thể:

1. *Địa chỉ trụ sở chính hiện tại:* Villa số 3, 02 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (84-28) 39110788 Fax: (84-28) 39110789

2. *Địa chỉ trụ sở chính mới:* Tầng 1 & 8, tháp B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Số điện thoại: (024) 35149999 Fax: (024) 3767 2887

3. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị ban hành Quyết định thay đổi vào thời điểm phù hợp nhưng không trễ hơn 06 (sáu) tháng kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung này và tiến hành các thủ tục tại Cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác (nếu có) để đăng ký việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 phê chuẩn và thông qua việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là Tổng Giám đốc công ty. Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định về thời gian thay đổi cho phù hợp đảm bảo không chậm hơn 06 (sáu) tháng kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua đồng thời giao cho Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục tại các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện đăng ký việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Phê chuẩn và thông qua Phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, cụ thể:

1. Phát hành 34.133.300 Cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp để tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thêm 341.333.000.000 đồng với các thông tin chi tiết như sau:

- Tên CP chào bán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười ngàn đồng/cổ phiếu)
- Số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến: 34.133.300 cổ phiếu (Ba mươi tư triệu một trăm ba mươi ba nghìn ba trăm cổ phiếu)
- Tổng giá trị cổ phiếu chào bán dự kiến: 341.333.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi một tỷ ba trăm ba mươi ba triệu đồng) (tính theo mệnh giá)
- Tiêu chí lựa chọn: Các tổ chức và cá nhân đáp ứng điều kiện là Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật.
- Đối tượng chào bán: Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật
- Số lượng Nhà đầu tư: dưới 100 nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp
- Hình thức chào bán: Chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo phương thức chỉ chào bán nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.
- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Hạn chế chuyển nhượng: Hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật
- Thời gian dự kiến phát hành cho Nhà đầu tư: Quý II năm 2022 sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật

2. Mục đích phát hành riêng lẻ 34.133.300 cổ phiếu: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, tái cơ cấu vốn, đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn theo quy định đối với hoạt động của Công ty chứng khoán, đồng thời đảm bảo lỗ lũy kế không quá 50% vốn chủ sở hữu, bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành và các hoạt động kinh doanh chứng khoán khác phù hợp với pháp luật.

3. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn, chủ động tìm kiếm, xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, lựa chọn danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ, số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư.

4. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án sử dụng vốn chi tiết, sử dụng nguồn vốn sau phát hành tăng vốn thành công để triển khai các hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định. Trong trường hợp cần thiết, căn cứ vào tình hình thực tế, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh phương án sử dụng vốn cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

5. Thông qua phương án xử lý số cổ phiếu không phân phối hết:

Trong trường hợp các nhà đầu tư nằm trong Danh sách được mua cổ phiếu do Hội đồng quản trị thông qua không đăng ký mua/không nộp tiền mua một phần hoặc toàn bộ số lượng cổ phiếu dự kiến, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục tìm kiếm, xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và lựa chọn nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được mua cổ phiếu với mức giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của Pháp luật (bao gồm cả thời gian gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu

chưa phân phối hết thì số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết này sẽ được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

6. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Nhằm đảm bảo đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại thời điểm chào bán, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc không phân phối cổ phiếu cho Nhà đầu tư nước ngoài trong đợt phát hành này.

8. Đăng ký niêm yết cổ phiếu và đăng ký chứng khoán bổ sung: Toàn bộ số cổ phiếu chào bán thành công sẽ được đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) và đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sau khi hoàn tất đợt chào bán.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện triển khai các thủ tục cần thiết để đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm theo phương án nêu trên tại VSD và HNX theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thông qua việc thay đổi Điều lệ Công ty liên quan đến vốn điều lệ mới sau khi hoàn thành việc phát hành.

10. Thông qua ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ thực hiện các thủ tục để thay đổi giấy phép hoạt động công ty sau khi hoàn thành đợt chào bán; Đăng ký chứng khoán và đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phiếu mới phát hành theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh một phần hoặc toàn bộ Phương án chào bán theo tình hình thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước để việc huy động vốn của Công ty đảm bảo thành công và đúng theo quy định của Pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

Điều 11. Phê chuẩn và thông qua việc sửa đổi Điều lệ để phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành; Tên công ty, trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật...

Điều 12. Phê chuẩn và thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế Quản trị nội bộ Công ty.

Điều 13. Phê chuẩn và thông qua việc ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị phê duyệt các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

1. Về cơ cấu quản trị và điều hành của Công ty:

- Điều chỉnh, thay đổi cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ.

- Chủ động phê duyệt, quyết định việc thực hiện điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung đối với các quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo sự phù hợp theo các thay đổi của pháp luật trong từng thời kỳ và thực tế hoạt động của Công ty.

2. Về nguồn vốn kinh doanh của Công ty:

- Chủ động phê duyệt, quyết định và điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu, trái phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên.

3. Về kế hoạch, chiến lược phát triển Công ty:

- Chủ động xem xét, phê duyệt và quyết định điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2022 khi xét thấy cần thiết cho Công ty để phù hợp với tình hình thực tế.

- Chủ động điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu kinh doanh đáp ứng kịp thời với tình hình thực tế và các diễn biến, thay đổi của thị trường, đồng thời, báo cáo kết quả cho Đại hội đồng cổ đông vào kỳ họp thường niên tiếp theo.

4. Chủ động phê duyệt, quyết định và điều chỉnh phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật hiện hành tại từng thời điểm.

5. Chủ động phê duyệt, quyết định việc đầu tư, mua bán tài sản của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành tại từng thời điểm.

6. Chủ động phê duyệt, quyết định và điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các ngành nghề kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty; đồng thời, thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan đến việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty và các thủ tục pháp lý có liên quan.

7. Phê duyệt, quyết định phương án và thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc thành lập mới, mua/bán lại, chuyển nhượng một phần vốn, giải thể các Công ty con (nếu có), Công ty liên kết với Công ty để thực hiện và kinh doanh những ngành nghề phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật.

8. Chủ động thực hiện các giải pháp khẩn cấp nhằm khắc phục kịp thời các biến động lớn về tài chính của Công ty và báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông trong phiên họp gần nhất.

9. Chủ động phê duyệt, quyết định việc ký ban hành, rà soát, sửa đổi hay bổ sung các văn bản nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền ban hành của Đại hội đồng cổ đông thông qua và/hoặc phê duyệt (bao gồm cả những văn bản mới và/hoặc đã ban hành) và thuộc mảng nghiệp vụ của Hội đồng quản trị phụ trách trình cho Đại hội đồng cổ đông nhằm đảm bảo phù hợp theo các quy định của pháp luật từng thời điểm, phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty và theo hướng dẫn, yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Điều 14. Phê chuẩn và thông qua kết quả bầu cử bổ sung Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023 với danh sách ứng viên trúng cử như sau:

STT	Tên ứng viên	Tổng số quyền biểu quyết bầu cho ứng viên	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1.	Nguyễn Phúc Long	17.487.021 quyền	100%
2.	Nguyễn Việt Việt	17.487.021 quyền	100%

Điều 15. Phê chuẩn và thông qua Tờ trình miễn nhiệm Ban kiểm soát hiện tại, kết quả bầu cử lại Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023, cụ thể như sau:

1. Thông qua miễn nhiệm đối với các thành viên Ban kiểm soát đương nhiệm theo Đơn từ nhiệm:

- Nguyễn Thị Hoa Huệ - Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Dương Thị Trinh - Thành viên Ban kiểm soát
- Bà Hồ Thị Hiền - Thành viên Ban kiểm soát

2. Phê chuẩn và thông qua kết quả bầu cử lại Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 với danh sách ứng viên trúng cử như sau:

STT	Tên ứng viên	Tổng số quyền biểu quyết bầu cho ứng viên	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1.	Bà Phạm Thị Tú Anh	17.687.021 quyền	100%
2.	Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	17.687.021 quyền	100%
3.	Bà Vũ Thị Thanh Hải	17.687.021 quyền	100%

Điều 16. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành Công ty, các Chi nhánh, Phòng giao dịch trực thuộc, phụ trách các Phòng ban liên quan và toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông (Công bố trên Website Công ty;
- Thành viên HĐQT, BKS, BDH;
- UBCKNN, Sở FINX để công bố thông tin;
- Chi nhánh, Phòng giao dịch;
- Lưu VT.

Tài liệu kèm theo:

- Các văn kiện Đại hội;
- Biên bản họp ĐHĐCĐ;

T/M. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TOA ĐẠI HỘI



DƯƠNG QUANG TRUNG



BIÊN BẢN HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM (VICS)
(Triệu tập lần thứ nhất)

Tên Doanh nghiệp:	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICS)
Địa chỉ:	Villa số 3, Số 2 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Giấy phép thành lập và hoạt động:	Số 88/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 11 tháng 01 năm 2008, được điều chỉnh theo Giấy phép điều chỉnh số 42/GPDC-UBCK ngày 30 tháng 07 năm 2013
Thời gian họp:	Bắt đầu lúc 8 giờ 30 phút ngày 29/03/2022 Kết thúc hồi 10 giờ 30 phút ngày 29/03/2022
Địa điểm họp:	Nhà Hội nghị Golden Lotus, Vườn Vua Resort & Villas, Xã Đông Trung, Huyện Thanh Thủy, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Ban Chủ tọa đại hội:	Ông Dương Quang Trung – Chủ tịch Hội đồng Quản trị – Chủ tọa; Ông Nguyễn Xuân Biểu – Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc – Ủy viên.
Ban Kiểm phiếu Biểu quyết:	Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Trưởng Ban; Ông Vũ Tuấn Anh – Ủy viên.
Ban Kiểm tra Tư cách Cổ đông:	Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Trưởng Ban; Bà Đỗ Thị Hải – Ủy viên và Bà Đỗ Thị Thanh Hương – Ủy viên.
Ban Thư ký đại hội:	Bà Phạm Thị Hồng Nhung – Trưởng ban; Ông Hà Thế Công – Ủy viên.

PHẦN I. KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG VÀ CÔNG BỐ
ĐIỀU KIỆN TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Tuyết – Trưởng Ban Kiểm tra Tư cách Cổ đông đọc Báo cáo Kiểm tra Tư cách cổ đông tham dự Đại hội. Cụ thể như sau:
 - Tổng số cổ đông theo danh sách cổ đông Công ty chốt đến ngày 02/03/2022 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cung cấp: 7.955 cổ đông đại diện cho 34.133.300 cổ phần của Công ty, tương đương 100% cổ phần có quyền dự họp.

- Tổng số cổ đông trực tiếp tham dự và ủy quyền tham dự Đại hội: 38 người, tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết: 17.687.021 cổ phần/34.133.300 cổ phần, chiếm tỷ lệ: 51,8%.
2. Căn cứ vào Biên bản Kiểm tra Tư cách Cổ đông, Luật Doanh nghiệp 2020; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICIS) đủ điều kiện để tiến hành.

PHẦN II. NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Các cổ đông tham dự Đại hội đã biểu quyết nhất trí thông qua:
Nội dung Chương trình; Quy chế tổ chức Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022 của Công ty theo đề nghị của Chủ tọa Đại hội bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.

PHẦN III. BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH

1. Ông Dương Quang Trung — Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021, kế hoạch năm 2022 tại Báo cáo số 019/2022/BC-HĐQT ngày 07/03/2022 của Hội đồng quản trị.
2. Ông Nguyễn Xuân Biều – Thành viên HĐQT/Tổng giám đốc trình bày Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2021, kế hoạch kinh doanh năm 2022 tại Báo cáo số 15/2022/BC-BĐH ngày 07/03/2022 của Ban Điều hành.
3. Ông Dương Quang Trung – Chủ tịch HĐQT trình bày:
 - Tờ trình số 020/TTr-HĐQT ngày 07/03/2022 của HĐQT về việc Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021;
 - Tờ trình số 022/TTr-HĐQT ngày 07/03/2022 của HĐQT về việc Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 và phương án thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022;
 - Tờ trình số 023/TTr-HĐQT ngày 07/03/2022 của HĐQT về việc Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022;
 - Tờ trình số 024/TTr-HĐQT ngày 07/03/2022 của HĐQT về việc Thay đổi tên công ty;
 - Tờ trình số 025/TTr-HĐQT ngày 07/03/2022 của HĐQT về việc Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của công ty;
 - Tờ trình số 026/TTr-HĐQT ngày 07/03/2022 của HĐQT về việc Thay đổi người đại diện theo pháp luật;
 - Tờ trình số 027/TTr-HĐQT ngày 07/03/2022 của HĐQT về việc Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán;
 - Tờ trình số 028/TTr-HĐQT ngày 07/03/2022 của HĐQT về việc Thông qua bản Điều lệ mới của Công ty đã được sửa đổi, bổ sung;
 - Tờ trình số 029/TTr-HĐQT ngày 07/03/2022 của HĐQT về việc Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát; Ban Tổng Giám đốc;
 - Tờ trình số 30/TTr-HĐQT ngày 07/03/2022 của HĐQT về việc Ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị phê duyệt các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

4. Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ – Trưởng Ban Kiểm soát trình bày:
- Báo cáo số 008/2022/BC-BKS ngày 07/03/2022 của Ban Kiểm soát về Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021, kế hoạch năm 2022;
 - Tờ trình số 021/2022/TTr- BKS ngày 07/03/2022 về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022.

PHẦN IV. THẢO LUẬN

Ông Dương Quang Trung – Chủ tọa Đại hội chủ trì việc thảo luận về các vấn đề liên quan đến các nội dung trình bày trong các Báo cáo, Tờ trình tại Đại hội.

PHẦN V. BẦU CỬ

1. Bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát:
- Ông Dương Quang Trung – Chủ tọa thay mặt Ban Chủ tọa thông qua Quy chế ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung, thành viên Ban Kiểm soát bầu lại nhiệm kỳ 2018 – 2023 với tỷ lệ 100% phiếu tán thành, 0% phiếu không tán thành, 0% phiếu không có ý kiến; Tờ trình số 031/2022/TTr-HĐQT về việc Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023 với tỷ lệ 100% phiếu tán thành, 0% phiếu không tán thành, 0% phiếu không có ý kiến; Tờ trình số 032/2022/TTr-HĐQT về việc Miễn nhiệm và bầu lại Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 với tỷ lệ 100% phiếu tán thành, 0% phiếu không tán thành, 0% phiếu không có ý kiến.
 - Bà Nguyễn Thị Thu Hằng – Trưởng Ban Kiểm phiếu lên thông qua Quy chế bầu cử bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, bầu cử lại thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 với tỷ lệ 100% phiếu tán thành, 0% phiếu không tán thành, 0% phiếu không có ý kiến.
2. Sau khi Ban tổ chức ĐHĐCD 2022 tổng hợp các tài liệu và hồ sơ liên quan đến việc bầu cử cho đến thời điểm bắt đầu tổ chức việc bầu cử, trong đó có phát sinh: (i) Đơn xin rút tên ứng cử thành viên Ban Kiểm soát bầu lại nhiệm kỳ 2018 – 2023 của Bà Nguyễn Thị Loan vào ngày 27/03/2022 và (ii) Biên bản họp nhóm cổ đông do Bà Trần Diễm Quỳnh làm đại diện nhóm vào ngày 28/03/2022. Trên cơ sở đó, ông Dương Quang Trung công bố danh sách các ứng cử viên ứng cử và được đề cử làm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát của công ty nhiệm kỳ 2018 - 2023. Cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Ngày tháng, năm, sinh	Trình độ	Chức vụ công tác hiện tại tại Công ty và đơn vị khác (nếu có)	Số cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu	Tỷ lệ cổ phần sở hữu/đại diện sở hữu (%)	Cổ đông/nhóm cổ đông đề cử hoặc tự ứng cử
1	DANH SÁCH ỨNG VIÊN BẦU THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ						
1	Nguyễn Phúc Long	09/03/1974	Thạc sỹ Kinh tế	Chủ tịch HĐQT tại CTCP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	0	0	Tự ứng cử
2	Nguyễn Việt Việt	03/10/1982	Cử nhân báo chí	Thành viên HĐQT tại CTCP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	0	0	Tự ứng cử

				Tổng Biên tập Tạp chí Điện tử Kinh tế Chứng khoán Việt Nam			
III	DANH SÁCH ỨNG VIÊN BẦU BAN KIỂM SOÁT						
1	Vũ Thị Thanh Hải	22/08/1995	Cử nhân Kế toán	Chuyên viên kế toán tại CTCP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	0	0	Tự ứng cử
2	Phạm Thị Tú Anh	12/07/1992	Cử nhân Tài chính Ngân hàng	Chuyên viên Quản lý giao dịch	0	0	Nhóm cổ đông đề cử
3	Nguyễn Thị Kim Oanh	24/08/1982	Cử nhân Kế toán	Chuyên viên phòng mua tại CTCP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long	0	0	Tự ứng cử

3. Tiến hành bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị, bầu cử lại thành viên Ban Kiểm soát bằng phiếu bầu: Ban Kiểm phiếu hướng dẫn thủ tục biểu quyết bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị và bầu cử lại Ban Kiểm soát, Thu phiếu bầu và tiến hành kiểm phiếu.

PHẦN VI. CÁC NỘI DUNG BIỂU QUYẾT VÀ THÔNG QUA

Dưới sự điều hành Đại hội của Ông **Đương Quang Trung** – Chủ tọa Đại hội, các cổ đông đã biểu quyết thông qua các nội dung sau:

❖ **Nội dung 1:**

Các cổ đông tham dự Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021, kế hoạch năm 2022 tại Báo cáo số 019/2022/BC-HĐQT ngày 07/03/2022 của Hội đồng quản trị, với kết quả như sau:

- + Tổng số phiếu tán thành: 38 phiếu, đại diện cho: 17.687.021 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.

❖ **Nội dung 2:**

Các cổ đông tham dự Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo hoạt động kinh doanh năm 2021, kế hoạch kinh doanh năm 2022 tại Báo cáo số 15/2022/BC-BĐH ngày 07/03/2022 của Ban Điều hành; Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021, với kết quả như sau:

- + Tổng số phiếu tán thành: 38 phiếu, đại diện cho: 17.687.021 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.

❖ **Nội dung 3:**

Các cổ đông tham dự Đại hội đã biểu quyết thông qua Báo cáo số 008/2022/BC-BKS ngày 07/03/2022 của Ban Kiểm soát về Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021, kế hoạch năm 2022, với kết quả như sau:

- + Tổng số phiếu tán thành: 38 phiếu, đại diện cho: 17.687.021 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.

❖ **Nội dung 4:**

Các cổ đông tham dự Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình số 022/TTr-HĐQT ngày 07/03/2022 của HĐQT về việc Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2021 và phương án thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2022, với kết quả như sau:

- + Tổng số phiếu tán thành: 38 phiếu, đại diện cho: 17.687.021 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.

❖ **Nội dung 5:**

Các cổ đông tham dự Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình số 023/TTr-HĐQT ngày 07/03/2022 của HĐQT về việc Phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022, với kết quả như sau:

- + Tổng số phiếu tán thành: 38 phiếu, đại diện cho: 17.687.021 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.

❖ **Nội dung 6:**

Các cổ đông tham dự Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình số 024/TTr-HĐQT ngày 07/03/2022 của HĐQT về việc Thay đổi tên công ty, với kết quả như sau:

- + Tổng số phiếu tán thành: 38 phiếu, đại diện cho: 17.687.021 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.

❖ **Nội dung 7:**

Các cổ đông tham dự Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình số 025/TTr-HĐQT ngày 07/03/2022 của HĐQT về việc Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của công ty, với kết quả như sau:

- + Tổng số phiếu tán thành: 38 phiếu, đại diện cho: 17.687.021 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.

❖ **Nội dung 8:**

Các cổ đông tham dự Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình số 026/TTr-HĐQT ngày 07/03/2022 của HĐQT về việc Thay đổi người đại diện theo pháp luật, với kết quả như sau:

- + Tổng số phiếu tán thành: 38 phiếu, đại diện cho: 17.687.021 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.

❖ **Nội dung 9:**

Các cổ đông tham dự Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình số 027/TTr-HĐQT ngày 07/03/2022 của HĐQT về việc Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán, với kết quả như sau:

- + Tổng số phiếu tán thành: 38 phiếu, đại diện cho: 17.687.021 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.

❖ **Nội dung 10:**

Các cổ đông tham dự Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình số 028/TTr-HĐQT ngày 07/03/2022 của HĐQT về việc Thông qua bản Điều lệ mới của Công ty đã được sửa đổi, bổ sung, với kết quả như sau:

- + Tổng số phiếu tán thành: 38 phiếu, đại diện cho: 17.687.021 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.

❖ **Nội dung 11:**

Các cổ đông tham dự Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình số 029/TTr-HĐQT ngày 07/03/2022 của HĐQT về việc Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Ban Kiểm soát; Ban Tổng Giám đốc với kết quả như sau:

- + Tổng số phiếu tán thành: 38 phiếu, đại diện cho: 17.687.021 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.

❖ **Nội dung 12:**

Các cổ đông tham dự Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình số 30/TTr-HĐQT ngày 07/03/2022 của HĐQT về việc Ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị phê duyệt các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, với kết quả như sau:

- + Tổng số phiếu tán thành: 38 phiếu, đại diện cho: 17.687.021 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.

❖ **Nội dung 13:**

Các cổ đông tham dự Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình số 021/2022/TTr-BKS ngày 07/03/2022 về việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022, với kết quả như sau:

- + Tổng số phiếu tán thành: 38 phiếu, đại diện cho: 17.687.021 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.

❖ **Nội dung 14:**

Các cổ đông tham dự Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình số 031/2022/TTr-HĐQT về việc Bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023, với kết quả như sau:

- + Tổng số phiếu tán thành: 38 phiếu, đại diện cho: 17.687.021 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.

❖ **Nội dung 15:**

Các cổ đông tham dự Đại hội đã biểu quyết thông qua Tờ trình số 032/2022/TTr-HĐQT về việc Miễn nhiệm và bầu lại Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023, với kết quả như sau:

- + Tổng số phiếu tán thành: 38 phiếu, đại diện cho: 17.687.021 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không tán thành: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.

❖ **Nội dung 16:**

Các cổ đông tham dự Đại hội đã biểu quyết thông qua tất cả các vấn đề tại ĐHĐCĐ 2022, với kết quả như sau:

- + Tổng số phiếu phát ra: 38 phiếu, đại diện cho: 17.687.021 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu thu về: 38 phiếu, đại diện cho: 17.687.021 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu hợp lệ: 38 phiếu, đại diện cho: 17.687.021 cổ phần, chiếm 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tổng số phiếu không hợp lệ: 0 phiếu, đại diện cho: 0 cổ phần, chiếm 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp.
- + Tỷ lệ tán thành tất cả các nội dung tại ĐHĐCĐ 2022: 100%.

PHẦN VII. CÔNG BỐ KẾT QUẢ BẦU CỬ

1. Kết quả bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị:

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung: 02 thành viên
- Nhiệm kỳ: 2018 – 2023
- Ứng viên trúng cử thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung:

TT	Tên ứng viên	Tổng số quyền biểu quyết bầu cho ứng viên	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	Ông Nguyễn Phúc Long	17.487.021 quyền	100%
2	Ông Nguyễn Viết Việt	17.487.021 quyền	100%

2. Kết quả bầu lại Ban Kiểm soát:

- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát bầu lại: 03 thành viên
- Nhiệm kỳ: 2018 – 2023
- Ứng viên trúng cử thành viên Ban Kiểm soát bầu lại:

TT	Tên ứng viên	Tổng số quyền biểu quyết bầu cho ứng viên	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1	Bà Phạm Thị Tú Anh	17.687.021 quyền	100%
2	Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	17.687.021 quyền	100%

3	Bà Vũ Thị Thanh Hải	17.687.021 quyền	100%
---	---------------------	------------------	------

PHẦN VIII. BẾ MẠC ĐẠI HỘI

1. Bà Phạm Thị Hồng Nhung – Trưởng Ban Thư ký Đại hội đọc Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 để Đại hội biểu quyết thông qua.
2. Các cổ đông tham dự Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 đã biểu quyết nhất trí thông qua toàn văn nội dung Biên bản họp và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022.
3. Ông Dương Quang Trung – Chủ tọa Đại hội tuyên bố Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICS) đã thành công tốt đẹp và tuyên bố bế mạc Đại hội.

Biên bản họp này gồm 9 (chín) trang và được lập thành hai (02) bản gốc bằng Tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Các tài liệu kèm theo Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông này có giá trị pháp lý và là phần không tách rời của Biên bản họp Đại hội này./.

T/M. BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI
Trưởng Ban


Phạm Thị Hồng Nhung

T/M. BAN CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
Chủ tịch HĐQT



Dương Quang Trung

Tài liệu đính kèm:

- Các báo cáo, tờ trình, quy chế trình bày tại Đại hội,...

Nơi nhận:

- Các cổ đông (công bố trên Website Công ty);
- Thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành;
- UBCKNN, Sở HNX để công bố thông tin;
- Lưu VT, Thư ký Công ty.



BAN ĐIỀU HÀNH

Số: 15/2022/ BC-BĐH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2021 KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2022

Kính gửi: - Đại hội đồng cổ đông công ty

I. MÔI TRƯỜNG KINH DOANH NĂM 2021

Nhìn lại tổng quan thị trường chứng khoán (TTCK) thế giới năm 2021 có thể nhận thấy hầu hết các chỉ số chính đều đạt mức tăng trưởng ngoạn mục bất chấp những tác động của đại dịch COVID-19, sự gián đoạn của các chuỗi cung ứng và giá dầu leo thang.

Trên thị trường chứng khoán New York, chỉ số S&P 500 đã ghi dấu năm thứ 3 liên tiếp tăng trưởng ở mức 2 con số với giá trị tăng tới 27,1% so với thời điểm kết thúc năm 2020. Trong năm qua, chỉ số này cũng có tới 70 lần lập đỉnh, chỉ đứng thứ 2 sau năm 1954. Chỉ số công nghiệp Dow Jones cũng tăng 18,7% giá trị trong năm 2021, trong khi chỉ số công nghệ Nasdaq ghi dấu ấn tăng trưởng mức 21,4%. Tại Anh chỉ số FTSE 100 tăng 14%; chỉ số CAC 40 của Pháp lên gần 29%, mức cao nhất trong hơn 20 năm qua; trong khi chỉ số DAX của Đức cũng tăng gần 16%. Trên thị trường năng lượng, giá dầu tăng hơn 50% trong một năm qua do nhu cầu về mặt hàng này tăng mạnh trong thời kỳ phục hồi kinh tế.

Trong khi đó tại thị trường chứng khoán châu Á giao dịch thưa thớt trong phiên cuối cùng của năm (31/12), chốt phiên này, tại thị trường Trung Quốc, chỉ số Shanghai Composite tăng 0,5% lên 3.638,24 điểm, còn chỉ số Hang Seng tăng 1,2% lên 23.397,67 điểm. Các thị trường chứng khoán Nhật Bản, Hàn Quốc, Indonesia và Thái Lan đóng cửa nghỉ lễ. Năm 2021 là một năm đầy biến động cho thị trường chứng khoán châu Á. Nhiều chỉ số chứng khoán châu Á sụt giảm, như chỉ số Hang Seng ở Hong Kong chịu tác động xấu do những bất ổn của thị trường bất động sản Trung Quốc và căng thẳng Mỹ-Trung. Còn các chỉ số khác, như Nikkei 225 của Tokyo và chỉ số Shanghai Composite (Trung Quốc), dù có biến động nhưng vẫn tương đối ổn định.

Đối với thị trường trong nước năm 2021 khép lại với những thành công của TTCK khi đạt kỷ lục cả về chỉ số, thanh khoản và mức vốn hóa thị trường. Tính đến cuối năm 2021, VN-Index đạt 1.494,39 điểm, tăng 35,4% so với cuối năm 2020. HNX-Index cũng đạt 458,05 điểm, tăng 125,5% so với cuối năm 2020. Vốn hóa thị trường đạt 7.729.000 tỷ đồng, tăng 46% so với cuối năm 2020, tương đương 122,8% GDP năm 2020 và 92% GDP năm 2021. Quy mô niêm yết, đăng ký giao dịch (DKGD) của thị trường đạt 1.727 nghìn tỷ đồng, tăng 14,1% với cuối năm 2020.

Thanh khoản trên thị trường cổ phiếu năm 2021 vẫn tiếp tục bùng nổ và tăng mạnh nhờ dòng tiền của các nhà đầu tư trong nước dẫn dắt thị trường. Tính chung từ đầu năm đến nay, giá trị giao dịch bình quân đạt hơn 26.564 tỷ đồng/phiên, tăng 258% so với bình quân năm 2020.

Tổng mức huy động vốn trên TTCK trong 11 tháng đầu năm đạt 444.941 tỷ đồng, tăng 23% so với cùng kỳ năm trước. Huy động vốn cho ngân sách Nhà nước thông qua đấu thầu trái phiếu Chính phủ tăng 1,3% với giá trị đạt 301.017 tỷ đồng.

Số lượng nhà đầu tư tham gia TTCK tăng mạnh trong thời gian gần đây đã góp phần đẩy thanh khoản thị trường lên hàng tỷ USD/phiên. Chỉ riêng trong 11 tháng qua, đã có 1,3 triệu tài khoản của nhà đầu tư trong nước và 4.133 tài khoản của nhà đầu tư nước ngoài mở mới, nâng tổng số lượng tài khoản chứng khoán tại Việt Nam lên con số 4,08 triệu tài khoản, tăng 47,3% so với cuối năm 2020.

TTCK phái sinh đón nhận thêm sản phẩm hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm. Thị trường trái phiếu niêm yết duy trì ổn định, quy mô niêm yết đạt hơn 1,51 triệu tỷ đồng, tăng 8,9% so với cuối năm 2020, trong đó, quy mô niêm yết của thị trường trái phiếu Chính phủ đạt 1,48 triệu tỷ đồng, chiếm 98,3% quy mô toàn thị trường. Giá trị giao dịch bình quân phiên đạt 11,25 nghìn tỷ đồng tăng 9,7% so với năm 2020, trong đó giao dịch repos chiếm 34% tổng giá trị toàn thị trường....

Các tổ chức quốc tế cũng đánh giá Việt Nam có thể tăng trưởng rất tốt nhờ dòng vốn FDI và các hiệp định thương mại tự do nên kỳ vọng dòng vốn đầu tư sẽ tìm đến thị trường tiềm năng, trong đó có Việt Nam. Đặc biệt, khi tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam được dự báo lần lượt đạt 6,8% và 6,5% cho năm 2022 và 2023, thì VN-Index năm 2022 có thể sẽ tăng lên mốc 1.600-1.800 điểm. Theo Quỹ đầu tư Vina Capital, TTCK Việt Nam hiện đang ở mức giá hợp lý cho đầu tư dài hạn. Theo số liệu từ Bloomberg, lợi nhuận của các công ty niêm yết trên sàn HoSE được dự báo sẽ tăng 26% trong năm 2022, trong khi mức P/E (tỷ suất lợi nhuận/cổ phần) của VN-Index năm 2022 là 13,4 lần

Nhìn chung, bối cảnh quốc tế và trong nước đã tác động và tạo ra những diễn biến phức tạp của TTCK Việt Nam năm 2021. Những diễn biến này cũng cho thấy thị trường tài chính nói chung và TTCK Việt Nam đã có sự liên thông và gắn kết chặt chẽ với thị trường tài chính thế giới, chịu tác động sâu sắc từ những biến động trên thị trường tài chính thế giới.

II. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

Trước những biến động mạnh của thị trường chứng khoán thế giới và trong nước, Năm 2021 kết quả kinh doanh của VICS có tăng so với năm 2020

Tóm tắt kết quả kinh doanh:

Chỉ tiêu	Đơn vị: Tỷ đồng		
	2020	2021	Tỷ lệ 2021/2020
Tổng doanh thu	6,64	12,2	183,73%
Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán	3,15	10,5	333,33%
Doanh thu hoạt động đầu tư CK, hợp tác	0,32	0,059	18,44%

kinh doanh chứng khoán			
Doanh thu hoạt động tư vấn	2,49	0,15	6,02%
Doanh thu khác	0,68	0,99	145,59%
Lợi nhuận trước thuế	(3,49)	1,42	

- **Hoạt động môi giới chứng khoán**

Trong năm 2021, doanh thu hoạt động môi giới đạt 10,5 tỷ đồng tăng 333,3% so với năm 2020. Nhờ sự thăng hoa của thị trường đã thu hút lượng lớn nhà đầu tư đổ tiền vào kênh giao dịch cổ phiếu cùng việc tổ chức hoạt động môi giới như nhân sự, công nghệ công nghệ thông tin, tăng chất lượng dịch vụ để VICS đạt được doanh thu hoạt động môi giới tăng trưởng mạnh mẽ so với năm 2020.

- **Hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp**

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp đạt 0,15 tỷ đồng tương đương 6,02% so với năm 2020.

- **Hoạt động hợp tác kinh doanh chứng khoán**

Doanh thu từ hoạt động đầu tư chứng khoán và hợp tác kinh doanh chứng khoán năm 2021 đạt 0.059 tỷ đồng (chủ yếu là doanh thu từ hoạt động hợp tác kinh doanh chứng khoán hay dịch vụ tài chính khác) tương đương 18,44% so với năm 2020.

- **Hoạt động tự doanh và đầu tư góp vốn**

Trong năm 2021, VICS tiếp tục thực hiện cơ cấu lại danh mục hiện có của các năm trước tồn đọng.

- **Lợi nhuận trước thuế**

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2021 công ty có lãi 1,42 tỷ đồng so với năm 2020 lỗ 3,49 tỷ đồng thì đây là một tín hiệu lạc quan và đầy triển vọng. Đạt được kết quả này phải kể đến sự vượt trội về doanh thu hoạt động môi giới năm 2021 đạt 10,5 tỷ đồng tăng 333,3% so với năm 2020.

- **Hoạt động đầu tư và phát triển hệ thống CNTT**

VICS đang triển khai hệ thống giao dịch mới với nhiều tiện ích hơn nhằm đáp ứng tối đa yêu cầu của Nhà đầu tư trong thời gian tới.

- **Công tác tổ chức nhân sự và bộ máy hoạt động**

Việc cơ cấu tổ chức và tuyển dụng nhân sự vẫn đảm bảo hoạt động công ty được vận hành một cách ổn định và phát triển. Đến thời điểm hiện nay VICS có 02 Chi nhánh tại Hà Nội là chi nhánh Hà Nội và chi nhánh Hà Thành.

- **Báo cáo về các khoản phải thu của công ty:** Có nhiều khó khăn trong việc thu hồi các khoản công nợ, chi tiết từng khoản sẽ báo cáo trực tiếp tại Đại hội

III. KẾ HOẠCH CHỈ TIÊU KINH DOANH NĂM 2022

Kế hoạch kinh doanh năm 2022 được triển khai cụ thể theo các mảng hoạt động trên cơ sở định hướng phát triển kinh doanh được nêu chi tiết tại Báo cáo của Hội đồng quản trị. Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh 2022 cụ thể như sau:

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021			Năm 2022
		Thực hiện	Kế hoạch	Tỷ lệ Thực hiện/ kế hoạch	Kế hoạch
A	Tổng doanh thu	12,2	10,5	116%	350
I	Doanh thu kinh doanh	6,64	10,2	65%	350
1	Doanh thu từ hoạt động môi giới	10,5	5,2	202%	100
2	Doanh thu hoạt động tự doanh, đầu tư tài chính khác	0,059	0,5	12%	140
3	Doanh thu hoạt động tư vấn	0,15	4	4%	10
4	Doanh thu khác	0,99	0,5	198%	100
B	Tổng chi phí	10,78	9,8	110%	180
I	Chi phí kinh doanh	7,64	4	191%	100
II	Chi phí quản lý doanh nghiệp	0,64	5,5	12%	50
III	Chi phí khác	0,25	0,3	83%	30
C	Lợi nhuận trước thuế	1,42	0,7	203%	170
D	Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ	42			

Các giải pháp chính để thực hiện chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

- Tăng tỷ trọng thị phần mỗi giới: đưa ra các dịch vụ giá trị gia tăng cho khách hàng, tăng tính cạnh tranh trên thị trường.
- Đẩy mạnh hoạt động tư vấn, tái cấu trúc chiến lược doanh nghiệp chủ động tiếp cận với các doanh nghiệp
- Tích cực làm việc, đàm phán với các ngân hàng, tổ chức tín dụng để có nguồn vốn phục vụ hoạt động hợp tác kinh doanh với khách hàng.
- Chú trọng đầu tư, xây dựng đội ngũ tư vấn vững mạnh, chất lượng cao cùng với diễn biến tích cực từ thị trường chứng khoán nhằm đẩy mạnh hoạt động tự doanh của công ty.
- Phát triển mạng tư vấn đầu tư, coi đây là mũi nhọn để thu hút khách hàng.
- Đào tạo, nâng cao trình độ của đội ngũ cán bộ, nhân viên trong Công ty.
- Đẩy mạnh phát triển hệ thống công nghệ thông tin.

IV. CÁC NỘI DUNG TRÌNH ĐHĐCĐ THÔNG QUA:

Căn cứ vào kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021, kế hoạch kinh doanh năm 2022, đồng thời trên cơ sở các dự báo tình hình phát triển kinh tế - xã hội cả nước, diễn biến của TTCK trong nước, quốc tế trong năm 2022, kính trình ĐHĐCĐ xem xét và thông qua các vấn đề sau đây:

- 1) Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán năm 2021.
- 2) Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh của Công ty năm 2022.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

T/M. BAN ĐIỀU HÀNH
Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Biều

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi: - Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2021:

1. Môi trường Kinh doanh năm 2021

Trong năm 2021, dù dịch bệnh COVID-19 ảnh hưởng đến nền kinh tế, song thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam vẫn có nhiều kỷ lục được xác lập. Nếu như năm 2020 VN-Index tăng 14,9% so với cuối năm 2019 và là mức tăng trưởng cao nhất trong 3 năm từ 2018 đến 2020. Thi năm 2021 VN-Index đạt 1.494,39 điểm, tăng 35,4% so với cuối năm 2020. Năm 2021, dù hứng chịu tác động mạnh mẽ hơn của đại dịch COVID-19, TTCK lại có bước tăng trưởng vượt bậc, đánh dấu bằng sự kiện vượt đỉnh lịch sử 1.200 điểm vào tháng 4/2021. Đây là đỉnh lịch sử đã thiết lập trong suốt lịch sử 20 năm của thị trường chứng khoán Việt Nam với hai lần chạm tới vào năm 2007 và 2018. Tuy nhiên, kỳ tích chưa dừng lại ở đó. Ngày 25/11, chỉ số VN-Index chạm mốc lịch sử 1.500,81 điểm

Trước tình hình tăng trưởng của chứng khoán trong nước, hoạt động giao dịch của Công ty cổ phần chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cũng đón nhận được nhiều tín hiệu tích cực.

2. Kết quả Hoạt động Kinh doanh năm 2021:

Nếu như năm 2020 là năm mà VICS tiếp tục phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức năm 2020 công ty chỉ đạt doanh thu 6,6 tỷ đồng, không đạt kế hoạch kinh doanh năm 2020 theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông đã đề ra. Thi doanh thu thực hiện năm 2021 đạt 12,2 tỷ đồng so với kế hoạch doanh thu năm 2021 là 10,5 tỷ đồng đạt 116%. Và đạt 183,73% Doanh thu so với năm 2020.

Lợi nhuận trước thuế năm 2021 lãi 1,42 tỷ đồng bằng 203% so với kế hoạch.

Đạt được thành quả này là nhờ có sự định hướng, chỉ đạo kịp thời của HĐQT trong bối cảnh tình hình kinh tế Việt Nam có nhiều biến động, đặc biệt do sự ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 diễn ra mạnh mẽ vào giữa năm 2021.

Đồng thời Ban Điều hành đã bám sát các định hướng của HĐQT, sâu sát trong công tác điều hành cùng nỗ lực của toàn thể CBNV Công ty góp phần hoàn thành công việc được Đại hội đồng Cổ đông, HĐQT đã đề ra.

II. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY NĂM 2021:

1. Hoạt động của HĐQT năm 2021:

❖ Về nhân sự HĐQT:

Trong năm 2021, Công ty không có biến động nào liên quan đến nhân sự HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty. Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018-2023 đến thời điểm hiện tại như sau:

- 1- Ông Nguyễn Xuân Biểu – Chủ tịch HĐQT;
- 2- Ông Tô Thành Vinh – Phó Chủ tịch HĐQT;
- 3- Ông Nguyễn Xuân Sanh – Thành viên.

Các thành viên HĐQT đều được phân công nhiệm vụ cụ thể, chịu trách nhiệm theo lĩnh vực được phân công. Đánh giá chung năm 2021, tất cả các thành viên HĐQT Công ty đều hoàn thành nhiệm vụ được giao theo đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ Công ty với tinh thần trách nhiệm cao.

❖ Các cuộc họp của HĐQT:

Ngoài các cuộc họp định kỳ tối thiểu hàng Quý theo Luật định thì các cuộc họp HĐQT được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản để thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Các hình thức trao đổi công việc với nhau qua điện thoại, E-mail hay phương tiện truyền thông hiện đại khác đều được các thành viên HĐQT áp dụng, thực hiện để trao đổi, xử lý công việc nhanh chóng, kịp thời, định hướng hoạt động cho Ban Điều hành. Kết quả, trong năm 2021, HĐQT đã thông qua và ban hành 7 nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền HĐQT liên quan đến công tác quản trị, điều hành, nhân sự. Các văn bản do HĐQT ban hành thông qua các phiên họp định kỳ hoặc dưới hình thức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản đều đạt được sự nhất trí cao của các thành viên trong HĐQT, được ban hành phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và có giá trị thực thi cao. Đối với những nghị quyết của HĐQT thuộc diện phải công bố thông tin theo quy định, HĐQT Công ty cũng thực hiện nhanh chóng, kịp thời, đảm bảo đúng thời hạn quy định.

Thông tin cụ thể các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong năm 2021 như sau:

STT	Số nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
-----	------------------------------	------	----------

1	21/2021/NQ-HĐQT	13/04/2021	Chốt danh sách cổ đông và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT chọn ngày Tổ chức Đại hội cổ Đông thường niên 2021
2	45/2021/NQ-HĐQT	31/05/2021	Quyết định các báo cáo, tờ trình và mẫu biểu để Tổ chức Đại hội cổ Đông thường niên 2021 và thành lập các ban chuyên môn
3	49/2021/ NQ-HĐQT	16/06/2021	Tạm hoãn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19
4	35/2021/ NQ-HĐQT	22/07/2021	Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2021
6	96/2021/NQ-HĐQT	28/10/2021	Thông qua việc thay đổi địa điểm văn phòng Hội sở của Công ty
7	110/2021/NQ-HĐQT	26/11/2021	Chốt danh sách cổ đông và ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT chọn ngày Tổ chức Đại hội cổ Đông bất thường năm 2021
8	121/2021/QĐ-HĐQT	08/12/2021	Điều chỉnh, bổ sung Nghị quyết số 110/2021/NQ-HĐQT ngày 26/11/2021

2. Thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2021:

Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị do các Cổ đông quyết định tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên được tổ chức định kỳ hàng năm. Trong năm 2021, Công ty đã thực hiện chi trả thù lao cho HĐQT và Ban Kiểm soát số tiền là 208 triệu đồng. Khoản thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT được tính toán trên cơ sở hợp lý, tiết kiệm, công khai và minh bạch nhằm đảm bảo hoạt động bình thường của HĐQT và quyền lợi của cổ đông. Thành viên HĐQT kiêm nhiệm công tác điều hành có tiêu chuẩn đi lại, giao dịch công tác bằng xe ô tô và lái xe của Công ty. Ngoài ra, không có chi phí cá nhân khác.

3. Kết quả Hoạt động Giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành, các cán bộ quản lý khác:

Năm 2021 là năm mà HĐQT đẩy mạnh công tác giám sát thường xuyên đối với Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác nhằm đảm bảo Công ty hoạt động an toàn, tuân thủ đúng quy định pháp luật, triển khai thực hiện đúng các nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2021 và quyết định của HĐQT. Ngoài ra, HĐQT còn chú trọng công tác quản trị rủi ro, triển khai việc chuẩn hóa các quy trình, quy chế quản trị, tăng cường việc giám sát và kiểm tra thực hiện các quy trình, quy chế này của Ban Điều hành và các cán bộ quản lý. HĐQT đã ban hành các nghị quyết, quyết định, văn bản thông báo chỉ đạo Tổng giám đốc và Ban điều hành triển khai thực hiện các chủ trương của HĐQT, ĐHCĐ, đồng thời xử lý thực hiện các công việc trong công tác quản trị rủi ro, quản lý tài chính, điều hành hoạt động kinh doanh, triển khai các biện pháp cấp bách về tái cấu trúc tài chính; Kiểm điểm đánh giá Tổng giám

độc và Ban điều hành trong việc điều hành hoạt động kinh doanh, quản lý nghiệp vụ và quản lý tài chính, công nợ, đầu tư... Các công việc giám sát cụ thể, chủ yếu của HĐQT đối với Ban Điều hành trong năm 2021 như sau:

- i. Tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro trong toàn Công ty. Chỉ đạo, giám sát Ban Điều hành thực hiện đúng Điều lệ, quy định quản lý nội bộ trong Công ty.
- ii. Theo dõi, chỉ đạo ban Điều hành quản lý, báo cáo Các khoản phải thu của công ty.
- iii. Phối hợp với Công ty kiểm toán để hoàn thành việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty. Thông qua các Báo cáo tài chính hàng Quý, bán niên theo thẩm quyền của HĐQT.
- iv. Tổ chức thành công Đại hội Hoàn thành việc xây dựng Báo cáo thường niên 2021 của Công ty để thực hiện công bố thông tin theo quy định và PR cho hình ảnh, thương hiệu của Công ty. Thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin định kỳ và bất thường tới UBCKNN, Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. HCM (HSX) và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) và Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD).
- v. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, công tác quản lý rủi ro trong toàn Công ty. Chỉ đạo, giám sát và tổ chức việc thực hiện các quy định, quy chế quản lý nội bộ...;
- vi. Phối hợp, chỉ đạo công tác Công Đoàn và Đoàn Thanh niên trong Công ty, thực hiện tốt các nghĩa vụ của doanh nghiệp đối với người lao động như đóng BHXH, BHYT, chế độ lương, thưởng đối với các CBNV nhân dịp lễ Tết, sinh nhật CBNV hàng tháng, quý...

Đánh giá chung, các thành viên HĐQT Công ty đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT theo Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÔNG TY NĂM 2022:

Năm 2022 Công ty dự kiến sẽ trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi và đưa ra các phương án khắc phục tình hình tài chính. Nếu không thỏa mãn được điều kiện về tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của Bộ tài chính về tỷ lệ an toàn tài chính, thì công ty có nguy cơ bị rút giấy phép hoạt động. Trước tình hình đó, VICS cần thiết triệt để thực hiện các định hướng quan trọng và chủ yếu sau:

- i. Tiếp tục tập trung phát triển các mảng hoạt động có khả năng có lợi nhuận như: Tư vấn M&A, môi giới trái phiếu, thu xếp vốn và các dịch vụ tài chính; Rút bớt nghiệp vụ tự doanh chứng khoán; Kiểm soát chi phí hoạt động chặt chẽ, đảm bảo chỉ duy trì và phát triển các hoạt động nghiệp vụ có lợi nhuận, có hiệu quả và thiết thực đối với quy mô và thực tế hoạt động của Công ty;
- ii. Tiếp tục tận dụng tối đa các cơ sở hiện có để phát triển các hoạt động kinh doanh, dịch vụ chính có hiệu quả; phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, các hoạt động kinh doanh khác;

TY
IN
GH
M

- iii. Thiết lập đội ngũ kỹ thuật IT nhằm nghiên cứu, đảm bảo phù hợp với nhu cầu phát triển, mở rộng hệ thống chi nhánh, phòng giao dịch của VICS trong những năm tới cũng như đáp ứng tốt các yêu cầu dịch vụ của khách hàng, yêu cầu về kỹ thuật của cơ quan quản lý Nhà nước về chứng khoán.
- iv. Không ngừng tăng cường công tác quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ của HĐQT và Ban Điều hành nhằm đảm bảo sự phát triển minh bạch và bền vững, hạn chế tối đa các rủi ro hệ thống và rủi ro thị trường, rủi ro pháp lý trong quá trình hoạt động... Đảm bảo tối đa an toàn tài chính trong công tác quản lý tài sản, dịch vụ môi giới, dịch vụ tài chính và đầu tư;

IV. CÁC NỘI DUNG XIN Ý KIẾN BIỂU QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG:

Để triển khai các định hướng phát triển Công ty năm 2022, HĐQT Công ty kính trình ĐHĐCĐ xem xét và biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

1) **Thông qua định hướng phát triển Công ty năm 2022:** nội dung đã nêu tại phần III của Báo cáo này. Đồng thời ủy quyền cho HĐQT chủ động xây dựng và triển khai thực hiện các giải pháp cấp bách để thực hiện triệt để, hiệu quả và kịp thời các nội dung định hướng phát triển trên.

2) **Về mức thù lao và kinh phí hoạt động:**

Năm 2022, thù lao của các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát như sau:

- Đối với thành viên HĐQT: hưởng mức thù lao 3.000.000 đồng/người/tháng.
- Đối với Ban Kiểm soát: Trưởng Ban hưởng mức thù lao 3.000.000 đồng/tháng. Các thành viên trong Ban Kiểm soát hưởng mức thù lao 2.000.000đồng/người/tháng.

Trân trọng cảm ơn và kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT

Dương Quang Trung

TP Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

*Kính thưa đoàn chủ tịch,
Kính thưa các quý vị cổ đông,*

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Căn cứ Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng;
- Căn cứ Điều lệ Công ty CP Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;

Thay mặt Ban kiểm soát tôi xin báo cáo Đại hội các nội dung sau:

Phần I HOẠT ĐỘNG, THÙ LAO VÀ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2021:

- Tham gia các buổi họp của Hội đồng quản trị.
- Kiểm tra, giám sát việc triển khai Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đối với HĐQT, Ban điều hành.
- Xem xét các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT trong năm 2021.
- Xem xét các Báo cáo định kỳ (hàng quý) của HĐQT và Ban điều hành.
- Kiểm tra, giám sát báo cáo tài chính, báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty. Phối hợp với công ty kiểm toán độc lập để xem xét tình hình tài chính và xem xét những ảnh hưởng trọng yếu của các sai sót kế toán đến báo cáo tài chính. Giám sát Ban điều hành trong việc sửa chữa những sai sót, thực thi những kiến nghị mà các kiểm toán viên đưa ra.
- Kiểm soát việc tuân thủ các quy định của Công ty về tài chính và chi tiêu nội bộ.
- BKS đưa ra một số ý kiến góp ý với HĐQT và Ban Điều hành về công tác kiểm soát nội bộ, về tình hình hoạt động kinh doanh trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của Ban Kiểm soát.

II. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2021.

Tổng thù lao trong năm của ban kiểm soát là : 91 triệu đồng, ngoài ra BKS tận dụng cơ sở vật chất của Công ty để tổ chức các buổi họp của BKS, không phát sinh các phí khác. Do đó, trong năm không có bất cứ một khoản chi phí nào của Ban Kiểm soát hạch toán vào chi phí Công ty.



Phần II

TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT VÀ CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Trong năm 2021, Ban Kiểm soát đã tổ chức các cuộc họp định kỳ với các nội dung chính sau:
 - Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán
 - Tổng kết hoạt động của BKS năm 2021.
 - Đánh giá hoạt động của HĐQT và Ban điều hành năm 2021.
 - Đề xuất đơn vị kiểm toán năm 2021, thống nhất nội dung Báo cáo BKS tại ĐHĐCĐ năm 2021.
 - Kế hoạch hoạt động của BKS năm 2022.
- Trước khi tiến hành ĐHĐCĐ trong năm 2022, BKS cũng đã tổ chức họp để tổng kết hoạt động năm 2021 cũng như thống nhất các nội dung sẽ báo cáo tại Đại hội này.
- Tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên. Trong năm 2021 các thành viên Ban kiểm soát đã hoàn thành nhiệm vụ được phân công với tinh thần trách nhiệm cao.

Phần III

KẾT QUẢ GIÁM SÁT TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

- Công ty thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính, công bố thông tin tài chính định kỳ và bất thường tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội và Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam của tổ chức niêm yết;
- Việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội là công ty kiểm toán độc lập thực hiện rà soát và kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 tuân thủ đúng quy định tại điều lệ Công ty và Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021;
- BKS đã rà soát BCTC 6 tháng và cả năm 2021 của Công ty cũng như phối hợp làm việc với các kiểm toán viên của Công ty Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội (đơn vị thực hiện kiểm toán năm 2021) để hiểu và làm rõ các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm toán;
- Việc ghi chép, lập và trình bày báo cáo tài chính đã tuân thủ đúng chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng. Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán được phát hành đúng hạn vào cuối tháng 3/2021. Kết quả kiểm toán cho thấy Báo cáo tài chính năm 2021 phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021 cũng như kết quả kinh doanh năm 2021. Ngoài ra không có sai sót trọng yếu nào xảy ra trong năm 2021 về công tác hạch toán kế toán.

Cũng như nội dung tại Báo cáo Kết quả hoạt động năm 2021 VICS lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN lãi hơn 1.4 tỷ đồng đạt chỉ tiêu nhiệm vụ kinh doanh năm 2021 theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên đã đề ra.

Ban Kiểm soát đồng ý về kết quả hoạt động kinh doanh năm 2021, các đánh giá về hoạt động và tài chính trong các báo cáo của công ty và đơn vị kiểm toán.

Phần IV

KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁC CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC

- Trong năm, BKS ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của các thành viên HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty;
- HĐQT đã giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban điều hành về việc thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã đề ra đầu năm tại Đại hội thường niên;
- Công ty hoàn thành việc thay đổi Điều lệ theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

- Ban hành kịp thời các Nghị quyết sau khi Hội đồng quản trị và sau khi có kết quả kiểm phiếu dưới hình thức lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản các thành viên thông qua tờ trình;
- HĐQT đã tiến hành đều đặn các cuộc họp định kỳ, đột xuất theo quy định để triển khai công tác giám sát và định hướng hoạt động kinh doanh của công ty;
- Lập Báo cáo hoạt động hàng quý kịp thời và tuân thủ đúng theo quy định của pháp Công ty.

Phần V

DANH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

- Trong năm 2021, BKS đã được tạo điều kiện làm việc từ phía HĐQT và Ban điều hành;
- BKS nhận được đầy đủ thông tin về các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; nhận đầy đủ các Báo cáo của HĐQT cũng như Ban điều hành trong năm;

Phần VI

KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2022

Theo kế hoạch, trong năm 2022, nếu không có gì thay đổi Ban kiểm soát mới sẽ thực hiện các nhiệm vụ trong năm 2022 theo đúng chức năng và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và tuân thủ các quy định của Công ty.

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát trình trước Đại hội đồng cổ đông năm 2022.

TM. BAN KIỂM SOÁT

Nguyễn Thị Hoa Huệ



TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2021)

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022

- Căn cứ Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30/03/2004 của Chính phủ ban hành qui chế kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân; Thông tư số 64/TT-BTC ngày 29/6/2004 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 105/2004/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định số 30/2009/NĐ-CP ngày 30/3/2009 của Chính phủ việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2004/NĐ-CP;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông Báo cáo tài chính năm 2021 của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội.

Báo cáo tài chính đã được công bố thông tin theo quy định, đồng thời được đăng tải lên Website của Công ty bao gồm:

- Báo cáo của Ban Tổng giám đốc;
- Báo cáo kiểm toán độc lập;
- Báo cáo tình hình tài chính;
- Báo cáo kết quả hoạt động năm 2021;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2021;
- Thuyết minh báo cáo tài chính năm 2021.

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HDQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Dương Quang Trung

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022)

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022

- Căn cứ Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30/03/2004 của Chính phủ ban hành qui chế kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân; Thông tư số 64/TT-BTC ngày 29/6/2004 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 105/2004/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định số 30/2009/NĐ-CP ngày 30/3/2009 của Chính phủ việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2004/NĐ-CP;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành
- Thực hiện Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán và Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về Công tác soát xét Báo cáo tài chính;

Ban kiểm soát xin kính trình Đại Hội đồng cổ đông Công ty về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 bao gồm: Soát xét BC tài chính bán niên tại 30/6/2022, Kiểm toán BCTC cho năm kết thúc tại ngày 31/12/2022, Kiểm toán báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính 6 tháng đầu năm và cả năm 2022.

Hiện Ban Kiểm soát đã tham khảo và tìm hiểu từ các công ty kiểm toán lớn và chuyên nghiệp thì có các thông tin như sau:

STT	Công ty Kiểm toán	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC	Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
2	Công ty TNHH Kiểm toán – Tư vấn Đất Việt tại Hà Nội	P.806, Tòa Nhà 17T3 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Tp.Hà Nội
3	Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế	Tầng 15, tòa nhà Center Building - Hapulico Complex Số 1 Nguyễn Huy Tưởng, Phường Thanh Xuân Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

TIÊU THỨC LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

- Đây là những Công ty hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, thuộc danh sách đã được UBCK chấp thuận kiểm toán các Công ty niêm yết;

- Có kinh nghiệm kiểm toán; Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của CTCP Chứng khoán thương mại và công nghiệp Việt Nam về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán trên cơ sở xem xét các văn bản chào phí kiểm toán và phạm vi kiểm toán.

ĐỀ XUẤT CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trên cơ sở các tiêu thức lựa chọn trên Ban kiểm soát xin đề xuất với Đại Hội Đồng Cổ Đông duyệt danh sách công ty kiểm toán đồng thời ủy quyền cho Hội Đồng Quản trị lựa chọn một trong ba công ty kiểm toán trên để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022.

Trân trọng!

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Thị Hoa Huệ



TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022

TỜ TRÌNH

(V/v: Chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và phương án thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022)

Kính trình: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022

- Căn cứ Nghị định số 105/2004/NĐ-CP ngày 30/03/2004 của Chính phủ ban hành qui chế kiểm toán độc lập trong nền kinh tế quốc dân; Thông tư số 64/TT-BTC ngày 29/6/2004 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 105/2004/NĐ-CP;
- Căn cứ Nghị định số 30/2009/NĐ-CP ngày 30/3/2009 của Chính phủ việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2004/NĐ-CP;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Hội đồng quản trị xin kính trình Đại Hội đồng cổ đông thông qua chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021 và phương án thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2022 như sau:

STT	Chức danh	Chi trả thù lao năm 2021 (Đồng/tháng)	Kế hoạch chi trả thù lao năm 2022 (Đồng/tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	3.000.000	3.000.000
2	Phó chủ tịch HĐQT		3.000.000
3	Thành viên HĐQT	3.000.000	3.000.000
4	Thư ký	2.000.000	
5	Trưởng ban kiểm soát	3.000.000	3.000.000
6	Thành viên ban kiểm soát	2.000.000	2.000.000

Kính trình Đại hội cổ đông xem xét và thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS, Ban TGD;
- Lưu VT.

T/M: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Chủ tịch HĐQT

Dương Quang Trung

TỜ TRÌNH

Về việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán và được Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam thông qua.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua phương án phân phối lợi nhuận sau thuế 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 như sau:

1. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2021:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)
I	KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY	
1	Tổng doanh thu	12,2
2	Tổng chi phí	10,78
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	1,42
4	Thuế TNDN hiện hành	0
5	Thuế TNDN hoãn lại	0
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	1,42
II	Dự kiến trình ĐHĐCĐ về việc phân phối lợi nhuận sau thuế	(167,29)
1	Tổng LN sau thuế chưa phân phối	1,42
1.1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(168,71)
1.2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021	1,42
2	Dự kiến phân phối như sau	
2.1	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 0 % LNST	0

Do công ty còn đang lỗ lũy kế nên không phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021.

2. Kế hoạch dự kiến phân phối lợi nhuận năm 2022:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (tỷ đồng)
I	KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY	
1	Tổng doanh thu kế hoạch	350
2	Tổng chi phí kế hoạch	180
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	170
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	140

II	Dự kiến trình ĐHĐCĐ về việc phân phối lợi nhuận sau thuế	(27,29)
1	Tổng LN sau thuế chưa phân phối	
1.1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(167,29)
1.2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2022	140
2	Dự kiến phân phối như sau	
2.1	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 0 % LNST	0

- Do Công ty còn đang lỗ lũy kế nên công ty dự kiến không phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 và để xóa lỗ lũy kế.

- Mục tiêu trong năm 2022 công ty phải thực hiện xóa hết lỗ lũy kế từ nguồn lợi nhuận để lại và các nguồn thặng dư vốn khác.

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Cổ đông công ty;
- Lưu VT, HĐQT, BKS.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch HĐQT



Dương Quang Trung





CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
TM & CN VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022

Số: 024/2022/TTr-HĐQT

TỜ TRÌNH

(V/v: Thay đổi tên Công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICS) (“Công ty”) hiện hành;
- Xét tình hình thực tế.

Để đáp ứng nhu cầu quản trị và định hướng phát triển Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua việc thay đổi tên Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICS) như sau:

1. Tên hiện tại:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

- Tên tiếng Anh: **VIET NAM INDUSTRIAL & COMMERCIAL SECURITIES CORPORATION**

- Tên viết tắt: **VICS**

2. Tên sau thay đổi:

- Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ VIỆT NAM**

- Tên tiếng Anh: **VIETNAM INVESTMENT SECURITIES CORPORATION**

- Tên viết tắt: **VISC**

3. ĐHCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động lựa chọn tên công ty khác, trong trường hợp tên Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam không được chấp thuận trong quá trình nộp hồ sơ và làm việc với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

4. ĐHCĐ giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành Quyết định thay đổi vào thời điểm phù hợp nhưng không trễ hơn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung này.



5. ĐHĐCĐ giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị cập nhật, sửa đổi Điều lệ Công ty; giao cho Người đại diện theo pháp luật Công ty tiến hành các thủ tục tại Cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng ký việc thay đổi tên Công ty theo quy định của pháp luật. Sau khi đổi tên, Công ty sẽ hoạt động với tên mới là: Công ty Cổ phần Chứng khoán Đầu tư Việt Nam.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn và kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



Đặng Quang Trung



Số: 025/2022/TT-ĐHĐCĐ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 03 năm 2022

V/v: Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của công ty

TỜ TRÌNH

(V/v: Thay đổi địa chỉ trụ sở chính của công ty)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICOS) ("Công ty") hiện hành;
- Xét tình hình thực tế.

Để đáp ứng nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, cụ thể như sau:

1. Địa chỉ trụ sở chính hiện tại: Villa số 3, 02 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Số điện thoại: (84-28) 39110788 Fax: (84-28) 39110789

2. Địa chỉ trụ sở chính mới: Tầng 1 & 8, Tháp B Tòa nhà Sông Đà, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội

Số điện thoại: (024) 35149999 Fax: (024) 3767 2887

3. Thời gian thay đổi: Hội đồng quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ban hành Quyết định thay đổi vào thời điểm phù hợp nhưng không trễ hơn 06 (sáu) tháng, kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung này.

4. Đại hội đồng cổ đông giao Chủ tịch Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục tại Cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác (nếu có) để đăng ký việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của công ty theo quy định của pháp luật.



Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn và kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT.

**T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Dương Quang Trung



TỜ TRÌNH

(V/v: Thay đổi người đại diện theo pháp luật)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICIS) ("Công ty") hiện hành;
- Xét tình hình thực tế.

Để đáp ứng nhu cầu quản trị Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua việc thay đổi người đại diện theo pháp luật tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022:

Người đại diện theo pháp luật hiện tại: Chủ tịch HĐQT

Người đại diện theo pháp luật đề nghị thay đổi: Tổng Giám đốc.

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị toàn quyền quyết định về thời gian thay đổi cho phù hợp đảm bảo không chậm hơn 06 tháng kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua đồng thời giao cho Hội đồng quản trị tiến hành các thủ tục tại các Cơ quan nhà nước có thẩm quyền để thực hiện đăng ký việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty theo quy định của pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn và kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: VT.

**T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



Đương Quang Trung

Số: 027/2022/TTr-HĐQT

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ
và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICS) ("Công ty") hiện hành;
- Xét tình hình thực tế.

Tại Đại hội đồng cổ đông bất thường của công ty ngày 17/01/2022, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua Phương án chào bán riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, Tuy nhiên đến thời điểm Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, Công ty vẫn chưa hoàn thành các thủ tục để thực hiện tăng vốn. Do vậy, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 tiếp tục thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ và sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, cụ thể như sau:

1. Phát hành 34.133.300 Cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp để tăng vốn điều lệ của Công ty thêm 341.333.000.000 đồng với các thông tin chi tiết:

- Tên CP chào bán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu (Mười ngàn đồng/cổ phiếu)

- Số lượng cổ phiếu chào bán dự kiến: 34.133.300 cổ phiếu (Ba mươi tư triệu một trăm ba mươi ba nghìn ba trăm cổ phiếu)

- Tổng giá trị cổ phiếu chào bán dự kiến: 341.333.000.000 đồng (Ba trăm bốn mươi một tỷ ba trăm ba mươi ba triệu đồng) (tính theo mệnh giá)



- Tiêu chí lựa chọn: Các tổ chức và cá nhân đáp ứng điều kiện là Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật.

- Đối tượng chào bán: Nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật

- Số lượng Nhà đầu tư: dưới 100 nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp

- Hình thức chào bán: Chào bán cổ phiếu riêng lẻ theo phương thức chỉ chào bán nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp.

- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phiếu

- Hạn chế chuyển nhượng: Hạn chế chuyển nhượng 01 năm kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, trừ trường hợp chuyển nhượng giữa các nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp hoặc thực hiện theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc thừa kế theo quy định của pháp luật

- Thời gian dự kiến phát hành cho Nhà đầu tư: Quý II năm 2022 sau khi được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận bằng văn bản theo quy định của pháp luật

2. Mục đích phát hành riêng lẻ 34.133.300 cổ phiếu: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, tái cơ cấu vốn, đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn theo quy định đối với hoạt động của Công ty chứng khoán, đồng thời đảm bảo lỗ lũy kế không quá 50% vốn chủ sở hữu, bổ sung nghiệp vụ bảo lãnh phát hành và các hoạt động kinh doanh chứng khoán khác phù hợp với pháp luật.

3. Thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm thích hợp để triển khai phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn, chủ động tìm kiếm, xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp, lựa chọn danh sách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp tham gia mua cổ phiếu chào bán riêng lẻ, số lượng cổ phiếu chào bán cho từng nhà đầu tư.

4. Thông qua ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định phương án sử dụng vốn chi tiết, sử dụng nguồn vốn sau phát hành tăng vốn thành công để triển khai các hoạt động kinh doanh chứng khoán theo quy định. Trong trường hợp cần thiết, căn cứ vào tình hình thực tế, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị điều chỉnh phương án sử dụng vốn cho phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và báo cáo Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất.

5. Thông qua phương án xử lý số cổ phiếu không phân phối hết:

Trong trường hợp các nhà đầu tư nằm trong Danh sách được mua cổ phiếu do Hội đồng quản trị thông qua không đăng ký mua/không nộp tiền mua một phần hoặc toàn bộ số lượng cổ phiếu dự kiến, Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị tiếp tục tìm kiếm, xác định tư cách nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp và lựa chọn nhà đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp được mua cổ phiếu với mức giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Trong trường hợp hết hạn phân phối cổ phiếu theo quy định của Pháp luật (bao gồm cả thời gian gia hạn nếu có), nếu vẫn còn cổ phiếu chưa phân phối hết thì số lượng cổ phiếu chưa phân phối hết này sẽ được hủy và Hội đồng quản trị ra quyết định kết thúc đợt chào bán.

6. Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán: Bổ sung vốn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Thông qua phương án đảm bảo việc phát hành cổ phiếu đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài:

Nhằm đảm bảo đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại thời điểm chào bán, Đại hội đồng cổ đông thông qua việc không phân phối cổ phiếu cho Nhà đầu tư nước ngoài trong đợt phát hành này.

8. Đăng ký niêm yết cổ phiếu và đăng ký chứng khoán bổ sung: Toàn bộ số cổ phiếu chào bán thành công sẽ được đăng ký chứng khoán bổ sung tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam

42
JMG
TPT
JHH
ONG
ETN
T.P. 1

(VSD) và đăng ký niêm yết bổ sung trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) sau khi hoàn tất đợt chào bán.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện triển khai các thủ tục cần thiết để đăng ký chứng khoán bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phiếu phát hành thêm theo phương án nêu trên tại VSD và HNX theo đúng quy định của pháp luật.

9. Thông qua việc thay đổi Điều lệ Công ty liên quan đến vốn điều lệ mới sau khi hoàn thành việc phát hành.

10. Thông qua ủy quyền toàn bộ cho Hội đồng quản trị chỉ đạo các bộ phận nghiệp vụ thực hiện các thủ tục để thay đổi giấy phép hoạt động công ty sau khi hoàn thành đợt chào bán; Đăng ký chứng khoán và đăng ký niêm yết bổ sung số cổ phiếu mới phát hành theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán; Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị sửa đổi, bổ sung, hoàn chỉnh một phần hoặc toàn bộ Phương án chào bán theo tình hình thực tế của Công ty hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước để việc huy động vốn của Công ty đảm bảo thành công và đúng theo quy định của Pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn và kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Dương Quang Trung



TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua bản Điều lệ mới của Công ty đã được sửa đổi, bổ sung)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICIS) ("Công ty") hiện hành;
- Xét tình hình thực tế.

Trên cơ sở tuân thủ, điều chỉnh để phù hợp và đáp ứng với các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét thông qua bản Điều lệ mới của Công ty đã được sửa đổi, bổ sung như sau:

1. Thông qua bản Điều lệ mới của Công ty đã được sửa đổi, bổ sung theo bản Dự thảo đính kèm Tờ trình này:

Điều lệ mới được sửa đổi, bổ sung một số nội dung như sau:

- Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ các điều khoản tại Điều lệ Công ty cho phù hợp với các quy định mới của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Điều chỉnh, dẫn chiếu điều khoản Luật Doanh nghiệp 2014 sang Luật Doanh nghiệp 2020.
- Rà soát, sửa đổi các nội dung khác phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp 2020, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Sửa đổi, bổ sung và điều chỉnh một số định nghĩa, câu chữ, cấu trúc câu cho phù hợp với thực tiễn hoạt động của Công ty và quy định của pháp luật.

2. Ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông giao cho Hội đồng quản trị Công ty:

- Xem xét hoàn thiện nội dung và triển khai việc ban hành Điều lệ Công ty mới theo đúng nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Tổ chức rà soát lại các Quy chế nội bộ của Công ty để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ mới và thực tiễn hoạt động của Công ty.



- Giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty thực hiện các thủ tục đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp và các thủ tục khác có liên quan (nếu có) đối với cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo đúng quy định của pháp luật.

Các nội dung sửa đổi, bổ sung chính đối với Điều lệ của Công ty được nêu cụ thể tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn và kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



1/1/2024

PHỤ LỤC : NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ VICS

Số	Điều lệ cũ ĐHDGD TN thông qua ngày	Điều lệ mới theo quy định tại	Ghi chú
26/5/2018		<p align="center">Kết cấu chung: Điều lệ được xây dựng theo Điều lệ mẫu tại Thông tư 116/2020/TT-BTC</p> <p>Phần mở đầu Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 88/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 11/01/2008 và các Giấy phép điều chỉnh, bổ sung.</p>	Bổ sung thêm thông tin về Giấy phép thành lập và hoạt động của Công ty chứng khoán theo quy định tại Khoản 4 Điều 5 Thông tư 121/2020/TT-BTC
1	Chưa quy định	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ h) "Người quản lý công ty" là chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các vị trí quản lý khác trong công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn theo từng thời điểm;</p>	Bổ sung khái niệm người điều hành doanh nghiệp
2	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ h) "Người quản lý công ty" là chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các vị trí quản lý khác trong công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn theo từng thời điểm;</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ g) Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty; h) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;</p>	
3	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Tổng Giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Công ty. Hội đồng Quản trị Công ty quyết định văn đề này căn cứ vào tình hình quản trị Công ty.</p>	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty 1. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tuân thủ theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật Doanh nghiệp.</p>	
4	<p>Điều 6. Mục tiêu hoạt động</p> <p>Điều 7. Nguyên tắc hoạt động</p>	<p>Điều 4. Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của Công ty</p>	Gộp vào 1 điều và quy định chi tiết hơn

Điều lệ cũ DHDCHD IN thông qua ngày 26/5/2018		Điều lệ mới theo quy định tại		Ghi chú	
5	<p>Điều 8. Quyền của Công ty</p> <p>Điều 9. Nghĩa vụ của Công ty</p> <p>Điều 10. Các quy định về cấm và hạn chế</p>	Bỏ		Quy định tại Điều 5 Thông tư 121/2020/TT-BTC không bắt buộc phải nêu nội dung này trong Điều lệ, do đã quy định cụ thể trong ND 155 và Thông tư 121	
6	Điều 11. Các loại cổ phần		<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</p> <p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác</p>	Kết cấu lại theo Điều lệ mẫu	
7	<p>Điều 13. Mua lại phần vốn góp/cổ phần</p> <p>Điều 14. Cách thức tăng, giảm vốn điều lệ</p>	Bỏ		Kết cấu lại theo Điều lệ mẫu	
8	<p>Điều 16. Quyền của cổ đông của Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chỉ có nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) trở lên tổng số cổ phần phổ thông được quyền xem xét và trích lục sổ biên bản họp và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa niên độ và hàng năm, các báo cáo của Ban Kiểm soát và yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. - Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (5%) tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn ít nhất sáu (06) tháng liên tục (hoặc một tỉ lệ, thời hạn 	<p>Điều 12. Quyền của cổ đông</p> <ol style="list-style-type: none"> 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:... 3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau: 	<p>Kết cấu sửa theo Điều lệ mẫu</p> <p>Tỷ lệ nhóm cổ đông để theo gọi ý của Điều lệ mẫu, Công ty có thể đề xuất tỷ lệ khác, nhưng không quá 10% tổng số cổ phần phổ thông</p> <p>Bỏ quy định năm giữ 6 tháng liên tục</p>		

Stt	Điều lệ cũ ĐHDCCĐ TN thông qua ngày 26/5/2018	Điều lệ mới theo quy định tại	Ghi chú
	năm giữ khác do Công ty tự quy định) có quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau:		
9	Điều 23, Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 14, Đại hội đồng cổ đông	Kết cấu sửa theo Điều lệ mẫu
10	Điều 21. Thâm quyền của Đại hội đồng cổ đông 1. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty; k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;	Điều lệ mẫu quy định cụ thể các vấn đề phải báo cáo tại ĐHDCCĐ
11	Điều 24, Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau: a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty; b) Báo cáo tài chính hàng năm;	Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau: a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Công ty; b) Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán; c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị. Tổng giám đốc; đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát; e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại; g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;	Điều lệ mẫu quy định cụ thể các vấn đề phải báo cáo tại ĐHDCCĐ

Stt	Điều lệ cũ ĐHDCEB TN thông qua ngày 26/5/2018	Điều lệ mới theo quy định tại	Ghi chú
	<p>hoạt động của Hội đồng quản trị;</p> <p>e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban Kiểm soát;</p> <p>f) Mức chi trả cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g) Định hướng phát triển của công ty.</p>	<p>i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;</p> <p>n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>o) Tờ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chi định người thanh lý;</p> <p>p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;</p> <p>r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p> <p>u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
12	<p>Điều 28. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua tại cuộc họp khi có đủ các điều kiện sau đây</p> <p>a. Được số cổ đông đại diện ít nhất 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các</p>	<p>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ trường hợp quy</p>	<p>Tư vấn sửa để có thể lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản mọi vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHDCEB. Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản chi cần</p>

Điều lệ mới theo quy định tại		Ghi chú
Số Điều lệ cũ ĐHBCH TN thông qua ngày 26/5/2018	<p>có đồng có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận;</p> <p>b. Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, hợp nhất, sáp nhập, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán của Công ty thì được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng Cổ đông (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản)</p>	<p>tỷ lệ thông qua là 51% cho mọi vấn đề, không cần phân chia tỷ lệ 51% và 65% như hợp trực tiếp</p>
	<p>định tại các khoản 3 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>e) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ.</p> <p>g) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty;</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành của tất cả cổ đông dự họp hoặc theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.</p>	
13	<p>Điều 28. Thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>4. Ngoại trừ các nội dung, vấn đề phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông quy định tại khoản 1 Điều 24 và khoản 3 Điều 23 của Điều lệ này, Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p>	<p>Điều khoản này sẽ hạn chế việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p>

đề thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, trừ những trường hợp quy định tại điểm b) khoản 1 Điều 28 của Điều lệ này.

14 Điều 27. Bầu dân phiếu

1. Trước và trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, các cổ đông có quyền cùng nhau lập nhóm để đề cử và dồn phiếu bầu cho người họ đề cử.
2. Số lượng ứng cử viên mà mỗi nhóm có quyền đề cử phụ thuộc vào số lượng ứng cử viên do Đại hội quyết định và tỷ lệ sở hữu cổ phần của mỗi nhóm, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% đến dưới 10% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa một (01) ứng cử viên vào Hội đồng quản trị và **một (01)** ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

Điều lệ mẫu bỏ quy định về tỷ lệ đề cử cụ thể khi bầu HĐQT, BKS. Tùy Công ty xem xét có nêu cụ thể không

Số	Điều lệ cũ ĐHQĐ-CN thông qua ngày 26/5/2018	Điều lệ mới theo quy định tại	Ghi chú
	<p>tối đa hai (02) ứng cử viên Hội đồng quản trị và <u>một (01) ứng cử viên</u> vào Ban Kiểm soát;</p> <p>c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>30%</u> đến dưới <u>50%</u> trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên Hội đồng quản trị và <u>hai</u></p> <p>(02) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;</p> <p>đ) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>50%</u> đến dưới <u>65%</u> trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên Hội đồng quản trị và <u>ba</u></p> <p>(03) ứng cử viên vào Ban Kiểm soát;</p> <p>e) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ <u>65%</u> trở lên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử đủ số ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát.</p> <p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát hoặc các cổ đông khác đề cử.</p> <p>4. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ</p>		

Sút Điều lệ vụ ĐHĐCĐ TN thông qua ngày 26/5/2018		Điều lệ mới theo quy định tại		Ghi chú	
	<p>ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì Đại hội đồng có đồng sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p>				
15	<p>Điều 31. Thâm quyền của Hội đồng quản trị</p> <p>g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường; tiếp thị và công nghệ; thông qua hợp đồng mua, bán, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch của Công ty với người có liên quan;</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p> <p>h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 33% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Không được để tỷ lệ vượt quá quy định của Điều lệ mẫu</p>		
16	<p>o) Thiết lập một quy trình chuẩn về triệu tập họp, bộ phiếu và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị để Đại hội đồng cổ đông thông qua; trình tự, thủ tục để cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị; xây dựng các quy định về trình tự, thủ tục lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ</p>				<p>Các thẩm quyền này có trong Điều lệ cũ, có thể xem xét bổ sung vào Điều lệ mới nếu cần</p>

quản lý và quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc; xây dựng cơ chế đánh giá hoạt động, khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác;

p) Thiết lập các bộ phận hoặc cử người thực hiện kiểm toán nội bộ và kiểm soát rủi ro;

q) Giải quyết xung đột trong Công ty; Thực hiện ngăn ngừa và giải quyết những xung đột có thể phát sinh giữa các cổ đông và Công ty. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm cán bộ để triển khai các hệ thống cán thiết hoặc thành lập bộ phận chuyên trách để giải quyết xung đột trong Công ty hoặc phục vụ cho mục đích này;

r) Phê chuẩn các giao dịch năm ngoài phạm vi kế hoạch kinh doanh và tài chính do Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc đệ trình (nếu có);

s) Hội đồng quản trị có quyền phủ quyết quyết định của Tổng Giám đốc và Ban Tổng Giám đốc trong việc tiến hành bất kỳ một hoạt động quy chuẩn nào, với điều kiện phủ quyết đó là có cơ sở;

t) Hội đồng quản trị phải lập tức thông báo cho cổ đông trong những trường hợp sau đây:

- Công ty hoặc Ban lãnh đạo của

Công ty bị nghi ngờ có liên quan đến các hoạt động phi pháp.

- Tình trạng tài chính của Công ty tiếp tục suy giảm và không đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật.
- Công ty kinh doanh bị thua lỗ từ 25% trên vốn chủ sở hữu.
- Công ty đề xuất thay đổi Chủ tịch hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát.
- Xây ra các trường hợp khẩn cấp làm ảnh hưởng xấu đến lợi ích của Công ty và khác hàng.

17 Điều 32. Thành phần, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị mất tư cách thành viên, bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều lệ mẫu quy định khác điều lệ cũ công ty.
Có thể xem xét để theo Điều lệ cũ nếu cần

Số	Điều lệ cũ ĐHDĐĐ TN thông qua ngày 26/5/2018	Điều lệ mới theo quy định tại	Ghi chú
18	<p>Điều 34. Cuộc họp Hội đồng quản trị và biên bản cuộc họp</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) cán bộ quản lý khác;</p> <p>b. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng Quản trị;</p> <p>c. Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập.</p>	<p>Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị</p> <p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.</p>	Cần quy định rộng hơn Luật
19	<p>Điều 49. Các tranh chấp có thể xảy ra</p> <p>Điều 50. Cách xử lý, giải quyết tranh chấp</p>	Bỏ	Bỏ đi vì nội dung này sẽ quy định theo các Luật dân sự và Luật liên quan, điều lệ quy định không phù hợp
20	<p>Điều 51. Các giao dịch phải được chấp thuận</p> <p>a) Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Hội đồng quản trị chấp thuận:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng số cổ phần phổ thông 	<p>Điều 48. Trích nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi</p>	Sửa lại theo Điều lệ mẫu vì kết cấu chung và quy định chặt chẽ hơn

Số	Diễn biến vụ ĐHBCHĐ TN thông qua ngày 26/5/2018	Diễn biến mới theo quy định tại	Ghi chú
	<p>của Công ty và những người có liên quan của họ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; - Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Tổng Giám đốc. <p>b) Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn năm mươi phần trăm (50%) tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trong trường hợp này, Người đại diện theo pháp luật phải gửi dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch đến các thành viên Hội đồng quản trị, đồng thời niêm yết dự thảo hợp đồng tại trụ sở chính, chi nhánh của Công ty. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày hợp đồng được niêm yết, thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết;</p> <p>c) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác, ngoài các trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trong</p>	<p>ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p>	

Stt	Điều lệ cũ ĐHD/CĐ TN thông qua ngày 26/5/2018	Điều lệ mới theo quy định tại	Ghi chú
21	<p>trường hợp này, cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết. Hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết còn lại đồng ý.</p>	<p>Điều 53. Tài khoản ngân hàng</p> <p>1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.</p> <p>2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.</p> <p>3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.</p>	Điều lệ cũ chưa quy định





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI VÀ
CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM
VIETNAM INDUSTRIAL & COMMERCIAL SECURITIES
CORPORATION**

Địa chỉ: Villa số 3, 02 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao,
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84-28) 39110788 Fax: (84-28) 39110789
Website: <http://vics.com.vn/>

**ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM**

Hà Nội, tháng 3 năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	3
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY... ..	3
Điều 4. Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của Công ty.....	3
Điều 5. Phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty.....	5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	5
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	5
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	6
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	6
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	6
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	7
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	7
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	7
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	8
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	14
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	19
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	21

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	22
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	23
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	25
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	26
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	27
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.....	29
Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty.....	29
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	29
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	30
Điều 34. Người điều hành Công ty.....	30
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	30
IX. BAN KIỂM SOÁT VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN	32
Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát.....	32
Điều 38. Thành phần Ban kiểm soát.....	32
Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát	33
Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	33
Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát	34
Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	34
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	37
Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	37
Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	38
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	38
Điều 50. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	38
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN.....	39
Điều 51. Công nhân viên và công đoàn.....	39
XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	39
Điều 52. Phân phối lợi nhuận.....	39
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	40
Điều 53. Tài khoản ngân hàng	40
Điều 54. Năm tài chính.....	40
Điều 55. Chế độ kế toán	41

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	41
Điều 56. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.....	41
Điều 57. Báo cáo thường niên	41
XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY	41
Điều 58. Kiểm toán.....	41
XVIII. CON DẤU.....	42
XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY.....	42
Điều 60. Tổ chức lại Công ty.....	42
Điều 61. Giải thể công ty	42
Điều 62. Thanh lý	42
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	43
Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	43
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	43
Điều 64. Điều lệ Công ty.....	43
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	44
Điều 65. Ngày hiệu lực	44
ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	44

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam - được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 88/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 11/01/2008 và các Giấy phép điều chỉnh, bổ sung.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số 105/2022/VICS/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29 tháng 03 năm 2022.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

b) Vốn có quyền biểu quyết là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

d) Luật Chứng khoán là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;

đ) Việt Nam là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

e) Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;

g) Người điều hành doanh nghiệp là Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;

h) Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

i) Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

k) Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;

l) Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần

m) Cổ đông lớn là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;

n) Thời hạn hoạt động là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;

o) Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Tên Công ty viết bằng tiếng Anh: Vietnam Industrial & Commercial Securities Corporation

Tên viết tắt: VICS

Logo:



2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Villa số 3, 02 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: (84-28) 39110788

- Fax: (84-28) 39110789

- Website: <http://vics.com.vn/>

4. Thành lập và hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện:

a) Công ty có thể thành lập, đóng cửa chi nhánh, phòng giao dịch và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty, phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được UBCK chấp thuận.

b) Chi nhánh, phòng giao dịch chi nhánh và văn phòng đại diện tại vị thuộc Công ty và Công ty phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về hoạt động của chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của mình;

c) Công ty chỉ hoạt động kinh doanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng khoán tại các địa điểm đặt trụ sở chính, chi nhánh và phòng giao dịch đã được UBCK chấp thuận.

d) Tên chi nhánh, phòng giao ddoanh chứng khoán, cung cấp dịch vụ chứng kty kèm theo cụm từ chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện và tên riêng để phân biệt.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo quy định tại Điều 61 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Tổng Giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật tuân thủ theo quy định tại Điều 12 và Điều 13 Luật Doanh nghiệp.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu, nguyên tắc hoạt động của Công ty

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

(1) Kinh doanh để mang lại lợi nhuận cao nhất cho Cổ đông trong điều kiện tuân thủ các quy định của pháp luật.

(2) Phát triển bền vững lâu dài, hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới để trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu tại Việt Nam;

(3) Mang lại lợi ích cho các Cổ đông, người lao động; và cung ứng cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao.

2. Nguyên tắc hoạt động

a) Nguyên tắc hoạt động quản trị, điều hành Công ty

- Công ty phải tuân thủ các quy định của Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan về quản trị công ty.
- Công ty phải phân định rõ trách nhiệm giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc phù hợp với Luật Chứng khoán, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
- Công ty phải thiết lập hệ thống thông tin liên lạc với các cổ đông, thành viên để đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ và đối xử công bằng giữa các cổ đông, giữa các thành viên, đảm bảo các quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, của thành viên.
- Công ty phải thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro và giám sát, ngăn ngừa những xung đột lợi ích trong nội bộ công ty và trong giao dịch với người có liên quan.

- Công ty phải bảo đảm nhân viên làm việc tại bộ phận nghiệp vụ phải có chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với nghiệp vụ thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- b) Nguyên tắc hoạt động nghiệp vụ của Công ty
 - Phải ban hành các quy trình hoạt động cho các nghiệp vụ.
 - Phải ban hành quy tắc đạo đức hành nghề.
 - Công ty, nhân viên Công ty không được thực hiện đầu tư thay cho khách hàng trừ trường hợp ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư cá nhân theo quy định tại Điều 19 Thông tư 121/2020/TT-BTC.
 - Có trách nhiệm trung thực với khách hàng, không được xâm phạm tài sản, các quyền và lợi ích hợp pháp khác của khách hàng. Thực hiện quản lý tách biệt tài sản của từng khách hàng, tách biệt tài sản của khách hàng với tài sản của công ty.
 - Có trách nhiệm ký hợp đồng với khách hàng khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng; cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin cho khách hàng.
 - Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, công ty khi cung cấp dịch vụ cho khách hàng không được trực tiếp hoặc gián tiếp thực hiện các hành vi sau:
 - ✓ Quyết định đầu tư chứng khoán thay cho khách hàng;
 - ✓ Thỏa thuận với khách hàng để chia sẻ lợi nhuận hoặc lỗ;
 - ✓ Quảng cáo, tuyên bố rằng nội dung, hiệu quả, hoặc các phương pháp phân tích chứng khoán của mình có giá trị cao hơn của công ty chứng khoán khác;
 - ✓ Có hành vi cung cấp thông tin sai sự thật để dụ dỗ hay mời gọi khách hàng mua bán một loại chứng khoán nào đó;
 - ✓ Cung cấp thông tin sai lệch, gian lận, hoặc gây hiểu nhầm cho khách hàng;
 - ✓ Các hành vi khác trái với quy định của pháp luật.
 - Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán, thống kê, nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật.
 - Thực hiện công bố thông tin và báo cáo kịp thời, đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật.
 - Xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, cơ sở dữ liệu dự phòng để bảo đảm hoạt động an toàn và liên tục.
 - Thực hiện giám sát giao dịch chứng khoán theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
 - Công ty phải thiết lập một bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm thông tin liên lạc với khách hàng và giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của khách hàng.

- Thực hiện nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật chứng khoán và pháp luật có liên quan.

Điều 5. Phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty

1. Nghiệp vụ kinh doanh của Công ty là:

- a) Môi giới chứng khoán;
- b) Tự doanh chứng khoán;
- c) Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. Ngoài các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán quy định tại khoản 1 Điều này, Công ty được cung cấp dịch vụ lưu ký chứng khoán, tư vấn tài chính, nhận ủy thác quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư và các dịch vụ tài chính khác theo quy định pháp luật chuyên ngành liên quan.

3. Công ty có thể bổ sung, rút bớt một hoặc một số nghiệp vụ kinh doanh nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán, pháp luật chuyên ngành liên quan và được UBCK chấp thuận. Công ty phải thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia về việc thay đổi nghiệp vụ kinh doanh.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 341.333.000.000 VND (Ba trăm bốn mươi một tỷ và ba trăm ba mươi ba triệu đồng)

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 34.133.300 (Ba mươi tư triệu một trăm ba mươi ba nghìn ba trăm) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật. Điều lệ Công ty sẽ tự động được sửa đổi vốn điều lệ khi thực hiện phát hành thêm cổ phần.

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Việc thay đổi vốn Điều lệ của Công ty (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, phù hợp với quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và pháp luật hiện hành. Đại hội đồng Cổ đông Công ty có thể quyết định việc giảm vốn Điều lệ nhưng phải đảm bảo không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật và tuân thủ các hướng dẫn của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản có liên quan.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 02 (hai) tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 02 (hai) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cần trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Ban Tổng giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao

dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử, bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm

toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d khoản 3 này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến

việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

đ. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g. Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

c) Phiếu biểu quyết;

d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;

b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;

c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận..

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm đình đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

e) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ.

g) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành của tất cả cổ đông dự họp hoặc theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại

trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông, bao gồm cả các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

d. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau: Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành và có tối thiểu 01 thành viên độc lập. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội

đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp

phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- d) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

Điều 32. Người phụ trách quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị Công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

ì) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Kiểm soát nội bộ và Quản trị rủi ro trực thuộc Bộ máy quản lý

1. Bộ phận kiểm soát nội bộ có nhiệm vụ kiểm soát tuân thủ những nội dung sau:

- a) Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của Hội đồng quản trị, các quy chế, quy trình nghiệp vụ, quy trình quản trị rủi ro của Công ty, của các bộ phận có liên quan và của người hành nghề chứng khoán trong Công ty;
- b) Giám sát thực thi các quy định nội bộ, các hoạt động tiềm ẩn xung đột lợi ích trong nội bộ Công ty, đặc biệt đối với các hoạt động của bản thân Công ty và các giao dịch cá nhân của nhân viên Công ty; giám sát việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong Công ty, thực thi trách nhiệm của đối tác đối với các hoạt động ủy quyền;
- c) Kiểm tra nội dung và giám sát việc thực hiện các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp;
- d) Giám sát việc tính toán và tuân thủ các quy định đảm bảo an toàn tài chính;
- e) Tách biệt tài sản của khách hàng;
- f) Bảo quản, lưu giữ tài sản của khách hàng;
- g) Kiểm soát việc tuân thủ quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền;
- h) Nội dung khác theo nhiệm vụ Tổng giám đốc giao.

2. Yêu cầu về nhân sự của Bộ phận kiểm soát nội bộ:

- a) Trưởng bộ phận kiểm soát nội bộ phải là người có trình độ chuyên môn về luật, kế toán, kiểm toán; Có đủ kinh nghiệm, uy tín, thẩm quyền để thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao;
- b) Không phải là người có liên quan đến các trường bộ phận chuyên môn, người thực hiện nghiệp vụ, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc chi nhánh trong Công ty;

c) Có Chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc chứng chỉ những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán và chứng chỉ pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;

d) Không kiêm nhiệm các công việc khác trong Công ty.

3. Nhiệm vụ của hệ thống thực thi quản trị rủi ro:

a) Xác định chính sách thực thi và mức độ chấp nhận rủi ro của Công ty;

b) Xác định rủi ro của Công ty;

c) Đo lường rủi ro;

d) Giám sát, ngăn ngừa, phát hiện và xử lý rủi ro.

IX. BAN KIỂM SOÁT VÀ ỦY BAN KIỂM TOÁN

Điều 37. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 38. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 41. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 42. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 43. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy ban kiểm toán

1. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán do Hội đồng quản trị đề cử và không phải là người điều hành Công ty.

2. Việc bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban kiểm toán và các thành viên khác trong Ủy ban kiểm toán phải được Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Điều 44. Thành phần Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán có từ 02 (hai) thành viên trở lên. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải là thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Các thành viên khác của Ủy ban kiểm toán phải là các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành.

2. Thành viên Ủy ban kiểm toán phải có kiến thức về kế toán, kiểm toán, có hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty.
- b) Là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Chủ tịch Ủy ban kiểm toán phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh.

Điều 45. Quyền và nghĩa vụ của Ủy ban kiểm toán

Ủy ban kiểm toán có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 161 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Được quyền tiếp cận các tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty, trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị khác, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác để thu thập thông tin phục vụ hoạt động của Ủy ban kiểm toán.
2. Có quyền yêu cầu đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính kiểm toán tại các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán.
3. Sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán hoặc các tư vấn khác bên ngoài khi cần thiết.
4. Xây dựng và trình Hội đồng quản trị các chính sách phát hiện và quản lý rủi ro; đề xuất với Hội đồng quản trị các giải pháp xử lý rủi ro phát sinh trong hoạt động của Công ty.
5. Lập báo cáo bằng văn bản gửi đến Hội đồng quản trị khi phát hiện thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và người quản lý khác không thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán và trình Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 46. Cuộc họp của Ủy ban kiểm toán

1. Ủy ban kiểm toán phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm. Biên bản họp được lập chi tiết, rõ ràng và phải được lưu giữ đầy đủ. Người ghi biên bản và các thành viên Ủy ban kiểm toán tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

2. Ủy ban kiểm toán thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán quy định. Mỗi thành viên Ủy ban kiểm toán có một phiếu biểu quyết. Trừ trường hợp Điều lệ Công ty hoặc Quy chế hoạt động Ủy ban kiểm toán có quy định tỷ lệ khác cao hơn, quyết định của Ủy ban kiểm toán được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Ủy ban kiểm toán.

Điều 47. Báo cáo hoạt động của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán có trách nhiệm báo cáo hoạt động tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập trong Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên phải đảm bảo có các nội dung sau:

- a) Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ủy ban kiểm toán và từng thành viên Ủy ban kiểm toán theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.
- b) Tổng kết các cuộc họp của Ủy ban kiểm toán và các kết luận, kiến nghị của Ủy ban kiểm toán.
- c) Kết quả giám sát đối với báo cáo tài chính, tình hình hoạt động, tình hình tài chính của Công ty;
- d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là người sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
- e) Kết quả đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro của Công ty;

- f) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp;
- g) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban kiểm toán với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cổ đông.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 48. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch

cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 49. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 50. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 51. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người quản lý.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIV. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 52. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 53. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 54. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một (01) hàng năm và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng Mười hai (12) cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày thứ ba mươi mốt (31) của tháng Mười hai (12) ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 55. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 56. Báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 57. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVII. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 58. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các

thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVIII. CON DẤU

Điều 59. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XIX. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 60. Tổ chức lại Công ty

1. Công ty thực hiện hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi sau khi được sự chấp thuận của UBCK.

2. Trình tự, thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và pháp luật liên quan.

Điều 61. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 62. Thanh lý

1. Sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

e) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 63. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

a. Cổ đông với Công ty;

b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Đại hội đồng cổ đông chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Toà án được thực hiện theo phán quyết của Toà án.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 64. Điều lệ Công ty

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 65. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 mục, 65 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam nhất trí thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2022 tại Đại hội đồng cổ đông Công ty và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 03 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty./.

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Xuân Biếu



Số: 029/2022/TT-HĐQT

TỜ TRÌNH

(V/v: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát;
Ban Tổng giám đốc)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Căn cứ nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICS) ("Công ty") hiện hành;
- Xét tình hình thực tế;

Trên cơ sở tuân thủ, điều chỉnh để phù hợp và đáp ứng với các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị Công ty đã chủ trì soạn thảo bản Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Ban Tổng giám đốc; Ban Kiểm soát dựa trên hướng dẫn tại Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Toàn văn dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ www.vics.vn

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn và kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN THƯƠNG MẠI
VÀ CÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM
TP. HỒ CHÍ MINH
Dương Quang Trung

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 105/2022/VICS/NQ-DHDCD ngày 29 tháng 03 năm 2022

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam ;

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam phản bao gồm các nội dung sau:

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II **THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin,

tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm tối thiểu 1/3 số thành viên Hội đồng quản trị Công ty. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty phải đạt tối thiểu là 01 người.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

4. Điều lệ Công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một

người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối thiểu theo quy định của pháp luật; số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ Công ty;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn

số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Luật Doanh nghiệp hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 02 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đóng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 03 năm 2022



DƯƠNG QUANG TRUNG



QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 105/2022/VICS/NQ-DHDCD ngày 29 tháng 03 năm 2022

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.

1.1. Vai trò của Đại hội đồng cổ đông: Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;

- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- d) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- 1.2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông
- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
- a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều 14 của Điều lệ Công ty.
- b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông
- c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - Tối thiểu 08 ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, Công ty phải gửi hồ sơ chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông tới Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam để thực hiện chốt danh sách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông.
- d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
- ✓ Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).
 - ✓ Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng tải trên trang thông tin điện tử của VIG. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại

hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp
- Danh sách và thông tin chi tiết các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát;
- Phiếu biểu quyết;
- Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- Dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);

✓ Chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội: Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội.

✓ Quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp:

- Cổ đông có quyền kiến nghị đưa các vấn đề vào nội dung chương trình họp: Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% (Năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông

- Hình thức kiến nghị: Việc kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông phải được làm bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Văn bản kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm các thông tin sau:

- + Tên cổ đông;
- + Thông tin CMND/Hộ chiếu/Giấy chứng nhận ĐKKD;
- + Địa chỉ /Trụ sở;
- + Điện thoại;
- + Số lượng, loại cổ phần mà cổ đông nắm giữ;
- + Vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- + Lý do kiến nghị;
- + Chữ ký của cổ đông (đóng dấu nếu là pháp nhân).
- + Nếu người ký văn bản kiến nghị là đại diện của cổ đông phải gửi kèm theo giấy ủy quyền hợp lệ.

- Xử lý các kiến nghị:

• Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải có trách nhiệm xem xét các ý kiến kiến nghị của cổ đông, trường hợp các ý kiến kiến nghị là hợp lệ, phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải bổ sung các nội dung kiến nghị vào chương trình và nội dung làm việc của Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối các kiến nghị của cổ đông trong các trường hợp được quy định tại Khoản 5 Điều 18 Điều lệ Công ty. Cụ thể:
 - + Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - + Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty;
 - + Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.
 - + Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- Khi từ chối các kiến nghị của cổ đông, người triệu tập Đại hội đồng cổ đông sẽ thông báo bằng văn bản cho cổ đông lý do từ chối kiến nghị này chậm nhất 2 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;

- ✓ Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự.
 - Đối với cổ đông là cá nhân: Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho một cá nhân khác tham dự Đại hội đồng cổ đông.
 - Đối với cổ đông là tổ chức: Cổ đông là tổ chức sử hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông công ty không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.
 - ✓ Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản có nội dung chủ yếu theo mẫu của VIG được gửi kèm theo Thông báo mời họp và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và các nhân được ủy quyền.
 - Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và đóng dấu của tổ chức đó; chữ ký của cá nhân được ủy quyền.
 - Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.
- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
- ✓ Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu

trước đó chưa đăng ký với Công ty).

- ✓ Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền;

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông:

- ✓ Trước ngày diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cổ đông có thể xác nhận việc trực tiếp tham dự Đại hội hoặc ủy quyền tham dự Đại hội về VIG (theo mẫu gửi kèm thông báo mời họp) theo thời hạn và phương thức, địa chỉ gửi được nêu cụ thể tại thông báo mời họp.
- ✓ Trước khi khai mạc cuộc họp, VIG phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
- ✓ Khi tiến hành đăng ký cổ đông, VIG cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông/họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.
- ✓ Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

h) Điều kiện tiến hành:

- ✓ Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
- ✓ Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- ✓ Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp hoặc dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

k) Cách thức bỏ phiếu;

- Việc biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được thực hiện dưới hình thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết công khai bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết.

- Thông thường các nội dung cần Đại hội đồng cổ đông thông qua bao gồm: Kết quả kiểm tra tư cách cổ đông, bầu đoàn chủ tịch, thư ký đại hội, ban kiểm phiếu, nội dung chương trình họp, quy chế làm việc của đại hội,... sẽ được biểu quyết công khai bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết. Các nội dung làm việc còn lại được bỏ phiếu kín thông qua phiếu biểu quyết và/hoặc phiếu bầu (trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, BKS)

- Hội đồng quản trị sẽ xây dựng và thông qua Quy chế biểu quyết, bầu cử căn cứ theo Quy chế này.

l) Cách thức kiểm phiếu;

- Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên Ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm tổng hợp kết quả kiểm phiếu trong biên bản kiểm phiếu. Tất cả các thành viên trong Ban kiểm phiếu phải ký tên trên biên bản kiểm phiếu.

- Tùy vào việc lựa chọn các hình thức biểu quyết thông qua các vấn đề được thảo luận tại Đại hội, Biên bản kiểm phiếu sẽ có nội dung khác nhau. Biên bản kiểm phiếu bao gồm các nội dung chi tiết sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- + Địa điểm cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- + Thời gian họp Đại hội đồng cổ đông;
- + Tính chất của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (thường niên hay bất thường);
- + Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, tổng số phiếu phát ra, thu về;
- + Tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ;
- + Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- + Kết quả biểu quyết (trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp);

m) Điều kiện để nghị quyết được thông qua;

✓ Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3 và khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- Định hướng phát triển công ty;
- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

- Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
 - Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - Tổ chức lại, giải thể công ty.
- ✓ Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết tán thành của tất cả cổ đông dự họp hoặc theo thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều 21 Điều lệ và khoản 3, khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
 - ✓ Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
 - ✓ Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử.

n) Thông báo kết quả kiểm phiếu:

Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kết quả kiểm phiếu bao gồm tổng số phiếu tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến của từng vấn đề.

o) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp);

- ✓ Cổ đông phản đối việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ thì đánh dấu ("V" hoặc "X") vào ô biểu quyết "Không tán thành" trên thẻ biểu quyết.
- ✓ Khi Chủ tọa có hiệu lệnh thu thẻ biểu quyết tán thành việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông thì cổ đông chuyển thẻ biểu quyết đã đánh dấu hợp lệ cho người thu phiếu.
- ✓ Cổ đông biểu quyết phản đối Nghị quyết về việc tổ chức lại Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải

bảng văn bản trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết các vấn đề quy định tại khoản này.

- ✓ Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.
- ✓ Công ty chỉ được quyền thanh toán cổ phần được mua lại cho cổ đông theo quy định tại Điều này nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, Công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

- ✓ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
- ✓ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
- ✓ Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

q) Công bố Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản;

- Các trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, kể cả trong các trường hợp sau đây:

- + Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- + Định hướng phát triển công ty;
- + Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- + Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- + Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- + Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- + Tổ chức lại, giải thể công ty.

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

✓ Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông chậm nhất 10 ngày trước thời hạn gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty;

✓ Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký doanh nghiệp của Công ty;

- Mục đích lấy ý kiến;

- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị v;

- ✓ Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
 - Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.
 - Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
- ✓ Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
 - Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - Các quyết định đã được thông qua;
 - Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và của người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu, người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;
- ✓ Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi Biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của VIG trong vòng 24 (hai mươi bốn) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- ✓ Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;
- ✓ Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến.

Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến, Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành quy chế để thực hiện. Quy chế này đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan, trong quy chế Hội đồng quản trị ban hành phải quy định rõ các nội dung sau:

- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- d) Điều kiện tiến hành;
- d) Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
- e) Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
- g) Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
- h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến:

Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp trực tuyến, Hội đồng quản trị có trách nhiệm ban hành quy chế để thực hiện. Quy chế này đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Nghị định số 155/2020/NĐ – CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán, Điều lệ Công ty và quy định khác của pháp luật có liên quan, trong quy chế Hội đồng quản trị ban hành phải quy định rõ các nội dung sau:

- a) Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
- c) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
- d) Điều kiện tiến hành;
- d) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- e) Cách thức bỏ phiếu;
- g) Cách thức kiểm phiếu;
- h) Thông báo kết quả kiểm phiếu;
- i) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
- k) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị).

1.1. Vai trò của Hội đồng quản trị:

- HĐQT là cơ quan quản trị của Công ty, hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị:

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ Công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

- n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

1.3. Quyền được cung cấp thông tin của Hội đồng quản trị

- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong Công ty.
- Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

1.4. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị:

Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;
- Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;
- Trách nhiệm khác theo quy định của Luật này và Điều lệ Công ty.

2. Đền bù, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị;

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) người. Đại hội đồng cổ đông có quyền quyết định thay đổi số lượng thành viên Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị;

- ✓ Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty tối thiểu là 01 người.

✓ Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị:

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có trình độ từ Đại học trở lên, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- Có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị;

✓ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

✓ Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị;

Bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như

nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau.

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị;

- ✓ Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
- ✓ Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi miễn trong các trường hợp sau:
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị;

- Trong trường hợp Công ty tổ chức họp/lấy ý kiến bằng văn bản Đại hội đồng cổ đông về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu thành viên Hội đồng quản trị thì trong thông báo mời họp/tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản gửi cho cổ đông phải nêu rõ nội dung này đồng thời kèm theo các tài liệu hướng dẫn về cách thức gửi hồ sơ đề cử, ứng cử; quy định về thể lệ bầu cử để các cổ đông nắm được thông tin và thuận tiện thực hiện.
- Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.

g) Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị;

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- Hư hỏng hợp đã xác định được tr
- Trình độ học đã xác đị
- Quá trình công tác;
- Các chính công tác;nh được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội
- Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

- Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

h) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Bầu Chủ tịch HĐQT: Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc.
- Miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT: Chủ tịch Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.
- Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

- Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- Có dặtch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không
- Có dặtch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị,
- Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị.

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định);

- Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành

viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

- Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát;

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
- Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền
- Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì cuộc họp Hội đồng quản trị được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy ngày (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

e) Cách thức biểu quyết;

- Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - + Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - + Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
 - + Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác.
 - + Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;

Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;

Việc ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết tại cuộc họp được thực hiện bằng văn bản và được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;

- ✓ Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian, địa điểm họp;
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản
- ✓ Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
- ✓ Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- ✓ Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm i Khoản này thì biên bản này có hiệu lực.

l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được thông báo tới các thành viên Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và các bộ phận liên quan để triển khai thực hiện.

Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua các nội dung cần phải CBTT theo quy định về CBTT trên thị trường chứng khoán thì sẽ được Công ty đăng tải trên website của Công ty; Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty được niêm yết và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)

- ✓ Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ và các lĩnh vực khác phù hợp với yêu cầu của Hội đồng quản trị từng thời kỳ.
- ✓ Việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có), gồm các nội dung sau đây:
 - Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và từng thành viên trong tiểu ban;
 - Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
 - Nhiệm kỳ, số lượng, tiêu chuẩn, cơ cấu của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị;
 - Cách thức bầu cử, ứng cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.
 - Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị.

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định việc thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị phù hợp từng thời kỳ và xây dựng chi tiết các nội dung cụ thể về vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của các tiểu ban và từng thành viên trong tiểu ban, việc đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của các tiểu ban, nhiệm kỳ, cơ cấu của tiểu ban; tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban, trưởng tiểu ban; hoạt động của các tiểu ban và các nội dung khác liên quan.

6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị Công ty:
 - Người phụ trách quản trị Công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp
 - Người phụ trách quản trị Công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
- b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:
Người phụ trách quản trị Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
- c) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:
Người phụ trách quản trị Công ty bị miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- d) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty:
Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty sẽ được thông báo và công bố thông tin trên website của Công ty, Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước; Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty được niêm yết trong vòng 24 giờ
- e) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.
 - Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

1.1. Vai trò của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có vai trò thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp với công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính; Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông; Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công;...

1.2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
- Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
- Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

1.3. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

- Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.
- Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
- Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
- Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 173 của Luật Doanh nghiệp mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì Thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà Thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.
- Trường hợp phát hiện có Thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát sau đây:

a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát;

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát: 03 (ba) thành viên.
- Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát: 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế
- Thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát: Gồm có Trưởng Ban kiểm soát và 02 thành viên Ban kiểm soát.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát;

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại

Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

- Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

b) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát;

✓ Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 30% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 30% đến dưới 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 65% trở lên được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;

✓ Trường hợp số lượng ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

c) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát;

- Bầu thành viên Ban kiểm soát phải được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau.

d) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;

- ✓ Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại điểm c Khoản này;
 - Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- ✓ Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
 - Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát;

- Trong trường hợp Công ty tổ chức họp/lấy ý kiến bằng văn bản Đại hội đồng cổ đông về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu thành viên Ban kiểm soát thì trong thông báo mời họp/tài liệu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản gửi cho cổ đông phải nêu rõ nội dung này

đồng thời kèm theo các tài liệu hướng dẫn về cách thức gửi hồ sơ đề cử, ứng cử; quy định về thể lệ bầu cử để các cổ đông nắm được thông tin và thuận tiện thực hiện.

- Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu thành viên Ban kiểm soát phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật liên quan.
- f) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.
- Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác thì tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:
- Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;
- Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
- Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc;

1.1. Vai trò của Tổng Giám đốc:

Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

1.2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc:

Tổng Giám đốc Công ty có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

1.3. Trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty:

Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật này, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty;
- Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 164 của Luật này;
- Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc;

- Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là năm (05) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được tái bổ nhiệm
- Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:
 - + Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - + Là cổ đông của Công ty; hoặc người không phải là cổ đông nhưng có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong quản trị kinh doanh hoặc trong các ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty và phải được trên 50% số thành viên Hội đồng quản trị nhất trí.
 - + Trường hợp đặc biệt Hội đồng quản trị Công ty có thể quyết định thuê Tổng Giám đốc là người nước ngoài nếu Công ty thực sự có nhu cầu và phải được trên 50% số thành viên Hội đồng quản trị nhất trí.
 - + Tốt nghiệp đại học trở lên, có kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp.

b) Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc;

- Hội đồng quản trị đề cử một thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
- Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

c) Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;

Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và

các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.

đ) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc;

Tổng Giám đốc bị miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động khi có Quyết định của Hội đồng quản trị thông qua.

đ) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc;

Nghị quyết, Quyết định Hội đồng quản trị thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc sẽ được thông báo và thực hiện công bố thông tin trên website của Công ty; Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán nơi cổ phiếu Công ty được niêm yết trong vòng 24 giờ, kể từ ngày ban hành.

a) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc.

- Công ty có quyền trả lương, thưởng cho Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
- Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác thì tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc được trả theo quy định sau đây: Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
- Tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, gồm các nội dung chính sau đây:

- a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc;

- ✓ Hội đồng quản trị mời thành viên Ban kiểm soát tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị và tùy từng nội dung có thể mời thêm Tổng Giám đốc tham dự. Các khách mời này có thể tham gia thảo luận trong cuộc họp nhưng không có quyền tham gia biểu quyết. Trình tự thủ tục triệu tập họp Hội đồng quản trị, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Quy chế này. Nghị quyết/Quyết định Hội đồng quản trị được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc để nắm thông tin và triển khai thực hiện.
- ✓ Khi có yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc khi có yêu cầu của Tổng Giám đốc như quy định tại Điều lệ và Quy chế này, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
- ✓ Khi có yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị hoặc khi có yêu cầu của Tổng Giám đốc theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập họp Ban kiểm soát. Trình tự thủ tục triệu tập họp Ban kiểm soát, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát. Nghị quyết/Quyết định Ban kiểm soát được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc để nắm thông tin và triển khai thực hiện.
- ✓ Khi có yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc phải triệu tập họp Ban Tổng Giám đốc/Ban điều hành. Trình tự thủ tục triệu tập họp Ban Tổng Giám đốc/Ban điều hành, thông báo mời họp, ghi biên bản cuộc họp thực hiện theo quy định tại quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Điều hành. Quyết định của Ban Tổng Giám đốc/Ban điều hành được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để báo cáo.
- ✓ Tùy nhu cầu và thực tiễn trong hoạt động quản trị điều hành, Hội đồng quản trị được quyền ban hành quy định về phân cấp thẩm quyền phán quyết trong quản trị điều hành để phân cấp/ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT, Tổng Giám đốc thực hiện một số quyền hạn của Hội đồng quản trị. Do đó, đối với những vấn đề vượt thẩm quyền của Tổng giám đốc, Tổng Giám đốc lập tờ trình xin ý kiến phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc cấp được Hội đồng quản trị phân cấp/ủy quyền.
- ✓ Trên cơ sở nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị xác định các chủ trương, chính sách, định hướng quy định... làm cơ sở để Tổng Giám đốc điều hành các hoạt động kinh doanh; đồng thời phê duyệt các kế hoạch, phương án hoạt động kinh doanh, các báo cáo, đề xuất do Tổng giám đốc đệ trình thuộc thẩm quyền xem xét, quyết định của Hội đồng quản trị.
- ✓ Tổng Giám đốc có trách nhiệm điều hành các công việc theo quy định tại Điều lệ, Nghị quyết, ủy quyền/phân công/chi đạo của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy

định của pháp luật. Trường hợp Tổng Giám đốc không thống nhất với Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có quyền trao đổi, báo lưu ý kiến nhưng vẫn phải chấp hành/thực hiện ý kiến chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát;

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được gửi trực tiếp cho Ban kiểm soát ngay sau khi kết thúc cuộc họp trong trường hợp các thành viên Ban kiểm soát tham dự trực tiếp các cuộc họp của Hội đồng quản trị hoặc gửi bằng thư bảo đảm tới địa chỉ của các thành viên Ban kiểm soát trong thời hạn 24 giờ.

c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc;

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được gửi trực tiếp cho Tổng Giám đốc ngay sau khi cuộc họp Hội đồng quản trị kết thúc để Tổng Giám đốc triển khai thực hiện các nội dung được thông qua tại Nghị quyết, quyết định.

d) Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị;

✓ Tổng Giám đốc có quyền đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập họp khi phát sinh các công việc hoặc thông tin đột xuất có thể ảnh hưởng lớn tới hoạt động của VIG hoặc quyền lợi của VIG, bao gồm nhưng không giới hạn: Tài khoản của VIG tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của VIG; VIG có các hoạt động trái quy định của pháp luật; VIG bị đình chỉ kinh doanh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động; Có quyết định khởi tố đối với thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng/Giám đốc tài chính hoặc các chức danh tương đương khác của VIG; Có bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của VIG; Có kết luận của cơ quan thuế về việc VIG vi phạm trọng yếu về pháp luật về thuế; VIG có các tổn thất/tranh chấp tổn thất lớn về tài sản; phát hiện VIG đi chệch mục tiêu, định hướng của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị.

✓ Ban kiểm soát có quyền đề nghị Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc triệu tập họp khi xảy ra các sự kiện quy định tại Khoản 6, 7, 8 Điều 170 Luật doanh nghiệp.

e) Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao;

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo cho Hội đồng quản trị kết quả thực hiện các chỉ đạo, nội dung nghị quyết của Chủ tịch HĐQT, HĐQT hoặc khi được yêu cầu.

f) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc;

Theo định kỳ 06 tháng, hàng năm và đột xuất khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao cũng như

việc thực hiện các nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc.

g) Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

✓ Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị:

Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin cho Hội đồng quản trị khi phát sinh các công việc hoặc thông tin đột xuất có thể ảnh hưởng lớn tới hoạt động của VIG hoặc quyền lợi của VIG, bao gồm nhưng không giới hạn:

- Tài khoản của VIG tại ngân hàng bị phong tỏa hoặc được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa, ngoại trừ trường hợp phong tỏa theo yêu cầu của VIG; VIG có các hoạt động trái quy định của pháp luật;

- VIG bị đình chỉ kinh doanh, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

- Có quyết định khởi tố đối với thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng/Giám đốc tài chính hoặc các chức danh tương đương khác của VIG;

- Có bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của VIG; Có kết luận của cơ quan thuế về việc VIG vi phạm trọng yếu về pháp luật về thuế;

- VIG có các tổn thất/tranh chấp tổn thất lớn về tài sản; phát hiện VIG đi chệch mục tiêu, định hướng của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị;....

✓ Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin cho Ban kiểm soát:

Tổng Giám đốc có trách nhiệm cung cấp cho Ban kiểm soát các nghị quyết, quyết định, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, hội đồng quản trị và các báo cáo của Tổng Giám đốc trình hội đồng quản trị và các hồ sơ tài liệu khác do Công ty ban hành, đồng thời báo cáo, cung cấp thông tin theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Tổng Giám đốc có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian phù hợp.

✓ Cách thức báo cáo, thông báo cho Hội đồng quản trị.

- Báo cáo trực tiếp tại các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

- Báo cáo bằng văn bản.

a) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

✓ Các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc sẽ thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại theo tinh thần hợp tác, hỗ trợ, tạo thuận lợi cho công việc của các thành viên theo đúng quy định tại Điều lệ Công ty, quy chế làm việc và kế hoạch hành động chung.

✓ Trường hợp khẩn cấp, các thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng

Giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email đã đăng ký với Công ty) cho Chủ tịch HĐQT, Trưởng Ban Kiểm soát hoặc TGD hoặc cả ba người để được giải quyết hiệu quả.

- ✓ Khi phát hiện rủi ro có thể gây ảnh hưởng đến uy tín hoặc hoạt động kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc phải thông báo ngay cho Chủ tịch HĐQT và Trưởng Ban Kiểm soát biết về rủi ro này

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;

- ✓ Cơ chế đánh giá hoạt động đối với thành viên Ban Kiểm soát, HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác
 - Hàng năm, HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành trình báo cáo hoạt động tại Đại hội đồng cổ đông thường niên để Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.
 - Căn cứ vào nhiệm vụ được phân công, kế hoạch được giao, hàng năm, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác phải lập báo cáo kết quả hoạt động trong năm trình cấp có thẩm quyền xem xét, đánh giá và phê duyệt.
 - Quá trình đánh giá phải khách quan, trung thực và dựa trên các tiêu chí cần thiết và phù hợp với nhiệm vụ của từng thành viên.
 - ✓ Phương thức đánh giá hoạt động của thành viên Ban Kiểm soát, HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác
 - Việc đánh giá sẽ được thực hiện theo quy định sau:

Định kỳ hàng năm hoặc đột xuất, Công ty sẽ tổ chức đánh giá hoạt động của thành viên Ban Kiểm soát, HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác theo phương thức sau:

- + Tự nhận xét đánh giá.
- + Cách thức khác do HĐQT/ Ban Kiểm soát/Tổng Giám đốc lựa chọn vào từng thời điểm.
- HĐQT sẽ tổ chức họp để đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các cá nhân/đơn vị trực thuộc HĐQT.
- Ban Kiểm soát sẽ tổ chức họp để đánh giá hoạt động của thành viên Ban Kiểm soát.
- Tổng Giám đốc sẽ tiến hành đánh giá hoạt động của những người điều hành khác, phù hợp với quy định nội bộ của Công ty từng thời kỳ.

3. Khen thưởng

Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có thành tích trong việc quản trị, điều hành VIG và các nhiệm vụ khác được giao sẽ được xem xét, khen thưởng theo quy định của pháp luật và VIG.

- ✓ Đối với HĐQT, Ban Kiểm soát: ngân sách khen thưởng thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty. HĐQT/Ban Kiểm soát thực hiện phân bổ nguồn khen

thường theo kết quả đánh giá như quy định tại Khoản 2 Điều 6 Quy chế này.

- ✓ Đối với Tổng Giám đốc và người điều hành khác:
- ✓ Các hình thức khen thưởng, tiêu chuẩn cụ thể về hình thức khen thưởng, trình tự, thủ tục khen thưởng sẽ được thực hiện theo các quy định nội bộ của VIG tại từng thời điểm. Nguồn khen thưởng: được trích từ Quỹ khen thưởng Công ty hay nguồn hợp pháp khác theo quy định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị hoặc quy định của pháp luật.

4. Xử lý vi phạm và kỷ luật

- ✓ Các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác trong quá trình thực thi nhiệm vụ của mình mà vi phạm quy định của pháp luật, Điều lệ VIG và các quy định khác có liên quan của VIG, thì tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật và/hoặc của VIG.
- ✓ HĐQT có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do HĐQT bổ nhiệm, Tổng Giám đốc có thẩm quyền quyết định kỷ luật đối với các chức danh do Tổng Giám đốc bổ nhiệm.
- ✓ Nguyên tắc xử lý vi phạm kỷ luật, các hình thức xử lý vi phạm kỷ luật, trình tự, thủ tục xử lý vi phạm kỷ luật sẽ được thực hiện theo quy định pháp luật và quy định của VIG từng thời kỳ.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam bao gồm 7 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 03 năm 2022


TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CHỨNG KHOÁN
CỔ PHẦN
THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM
DUƠNG QUANG TRUNG

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 105/2022/VICS/NQ-DHĐCĐ ngày 29 tháng 03 năm 2022.

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam ;

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.



2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ;

người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác;

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đàm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29 tháng 03 năm 2022


DƯƠNG QUANG TRUNG

Số: 030/2022/TTr-HĐQT

TỜ TRÌNH

(V/v: Ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cho Hội đồng quản trị phê duyệt các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICS) ("Công ty") hiện hành;
- Xét tình hình thực tế.

Để đảm bảo sự linh hoạt và kịp thời trong việc quản trị, điều hành Công ty cũng như đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh doanh, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị phê duyệt các nội dung khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông trong thời gian giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên, cụ thể như sau:

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị:

- Về cơ cấu quản trị và điều hành của Công ty:
 - Điều chỉnh, thay đổi cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý, điều hành của Công ty phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động của Công ty trong từng thời kỳ.
 - Chủ động phê duyệt, quyết định việc thực hiện điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung đối với các quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo sự phù hợp theo các thay đổi của pháp luật trong từng thời kỳ và thực tế hoạt động của Công ty.
- Về nguồn vốn kinh doanh của Công ty:
 - Chủ động phê duyệt, quyết định và điều chỉnh phương án phát hành cổ phiếu, trái phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.
- Về kế hoạch, chiến lược phát triển Công ty:
 - Chủ động xem xét, phê duyệt và quyết định điều chỉnh kế hoạch kinh doanh năm 2022 khi xét thấy cần thiết cho Công ty để phù hợp với tình hình thực tế.
 - Chủ động điều chỉnh, bổ sung các chỉ tiêu kinh doanh đáp ứng kịp thời với tình hình thực tế và các diễn biến, thay đổi của thị trường, đồng thời, báo cáo kết quả cho Đại hội đồng cổ đông vào kỳ họp thường niên tiếp theo.
- Chủ động phê duyệt, quyết định và điều chỉnh phương án góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật hiện hành tại từng thời điểm.
- Chủ động phê duyệt, quyết định việc đầu tư, mua bán tài sản của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành tại từng thời điểm.



6. Chủ động phê duyệt, quyết định và điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các ngành nghề kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật và phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty; đồng thời, thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan đến việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp của Công ty và các thủ tục pháp lý có liên quan.

7. Phê duyệt, quyết định phương án và thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến việc thành lập mới, mua/bán lại, chuyển nhượng một phần vốn, giải thể các Công ty con (nếu có), Công ty liên kết với Công ty để thực hiện và kinh doanh những ngành nghề phù hợp với ngành nghề kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật.

8. Chủ động thực hiện các giải pháp khẩn cấp nhằm khắc phục kịp thời các biến động lớn về tài chính của Công ty và báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông trong phiên họp gần nhất.

9. Chủ động phê duyệt, quyết định việc ký ban hành, rà soát, sửa đổi hay bổ sung các văn bản nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền ban hành của Đại hội đồng cổ đông thông qua và/hoặc phê duyệt (bao gồm cả những văn bản mới và/hoặc đã ban hành) và thuộc mảng nghiệp vụ của Hội đồng quản trị phụ trách trình cho Đại hội đồng cổ đông nhằm đảm bảo phù hợp theo các quy định của pháp luật từng thời điểm, phù hợp với tình hình hoạt động của Công ty và theo hướng dẫn, yêu cầu của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn và kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ LỊCH HĐQT
CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN CỔ PHẦN
VÀ CÔNG NGHIỆP
VIỆT NAM
Đương Quang Trung



Số: 031/2022/TT- HĐQT

TỜ TRÌNH

(V/v: Bầu bổ sung thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2018 – 2023)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICS) ("Công ty") hiện hành;
- Căn cứ Quy chế ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị bầu bổ sung nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Quy chế bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên HĐQT bầu bổ sung nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Xét tình hình thực tế.

Để đáp ứng nhu cầu quản trị Công ty, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua việc bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, cụ thể như sau:

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị được bầu bổ sung: 2 thành viên.
2. Nhiệm kỳ: 2018 – 2023.
3. Số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị tối đa: không hạn chế.
4. Thông qua Danh sách ứng viên đủ tiêu chuẩn và được các cổ đông/nhóm cổ đông giới thiệu để bầu bổ sung làm thành viên Hội đồng quản trị; thành viên Hội đồng quản trị độc lập nhiệm kỳ 2018 – 2023 như sau:

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Chức vụ hiện nay
-----	-----------	-----------	---------	---------------------	------------------



1	Ông Nguyễn Phúc Long	09/03/1974	P908, tòa nhà 27 Huỳnh Thúc Kháng, Đống Đa, Hà Nội	Thạc sỹ Kinh tế	
2	Ông Nguyễn Việt Việt	03/10/1982	P.2802 tòa nhà CT4C KĐT Xa La – Phường Phúc La – Hà Đông – Hà Nội	Cử nhân báo chí	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn và kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

Tài liệu kèm theo:

- Danh sách ứng cử viên;
- Bản công bố thông tin cá nhân của ứng cử viên.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2022

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- 1/ Họ và tên: Nguyễn Phúc Long
2/ Giới tính: Nam
3/ Ngày tháng năm sinh: 09/03/1974
4/ Nơi sinh: Phường Đại Nài, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh
5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu): Ngày cấp: Nơi cấp: Cục cảnh sát
ĐKQL Cư trú và DLQG về cư dân
6/ Quốc tịch: Việt Nam
7/ Dân tộc: Kinh
8/ Địa chỉ thường trú:
9/ Số điện thoại:
10/ Địa chỉ email:
11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long
12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Chủ tịch HĐQT
13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Thăng Long Phú Thọ; Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long
14/ Số CP nắm giữ: Số CP nắm giữ: CP chiếm% vốn điều lệ, trong đó:
+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: CP
+ Cá nhân sở hữu:CP
15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không
16/ Danh sách người có liên quan của người khai*:

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

STT	Mã CK	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối vốn công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy DKKD)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Giá chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1.3		Nguyễn Hồ Phúc Lân			Con		Còn nỏ				0	0	26/04/2021			
1.4		Nguyễn Hồ Kim Phụng			Con		Còn nỏ				0	0				

Stt	Mã CK	Họ tên Name	Thì khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cuối kỳ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1.8		Nguyễn Xuân Biếu			Anh rể	CMND		11/3/2002	Tp Hồ Chí Minh		0	0				
1.9		Nguyễn Thị Hạnh Loan			Em gái	CMND		23/12/2007	Hà Tĩnh		0	0				

Sr	Mã CK	Họ tên Name	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)/ NSH No.	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (Khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1.12		Công ty Cổ phần Đầu tư Thăng Long Phú Thọ			Chủ tịch HĐQT	ĐKKD số 2600840484		Cấp ngày 28/07/2011, thay đổi lần thứ 3 ngày 23/3/2020	Số KHĐT tỉnh Phú Thọ	Vườn Vua, Đông Trung, Thành Phố, Tỉnh Phú Thọ	0	0				

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Thủ lao Hội đồng quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm

18/ Quyền lợi mẫu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI



Nguyễn Phúc Long

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 02 tháng 03 năm 2022

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

- 1/ Họ và tên: Nguyễn Việt Việt
- 2/ Giới tính: Nam
- 3/ Ngày tháng năm sinh: 03/10/1982
- 4/ Nơi sinh: Thành phố Thanh Hóa – Thanh Hóa
- 5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu): _____ Ngày cấp: _____ Nơi cấp: Cục cảnh sát
ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư
- 6/ Quốc tịch: Việt Nam
- 7/ Dân tộc: Kinh
- 8/ Địa chỉ thường trú: _____
- 9/ Số điện thoại: _____
- 10/ Địa chỉ email: _____
- 11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty cổ phần Tập đoàn Đầu tư Thăng Long
- 12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Thành viên HĐQT độc lập
- 13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- 14/ Số CP nắm giữ: 0 CP chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:
+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: 0 CP
+ Cá nhân sở hữu: 0 CP
- 15/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không
- 16/ Danh sách người có liên quan của người khai*:

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

Stt	ME CK	Họ tên /Name	Tên khóa giáo dịch chương khóa (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đến với công ty/ người nối hệ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy Chức ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)/NSH No.	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trú sơ chiến/ Địa chỉ liên hệ	Số có phần số bầu phần quản trị/ quản lý	Tỷ lệ sở hữu cổ phần quản trị/ quản lý	Tham điểm bắt đầu là ngày có liên quan của công ty/ người nối hệ	Thời điểm không có là người có quan của công ty/ người nối hệ	Lý do (khi phát sinh thay đổi liên quan đến mục 13 và 14)	Chi chi (về việc không có sở Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1.1		Nguyễn Ngọc Gia Khánh			Con gái		Cán bộ			Xa Lộ, Hà Đông, Hà Nội	0	0				
1.2		Nguyễn Khải Nguyễn			Con trai		Cán bộ			Xa Lộ, Hà Đông, Hà Nội	0	0				
1.3		Nguyễn Ngọc Gia An			Con gái		Cán bộ			Xa Lộ, Hà Đông, Hà Nội	0	0				
1.4		Nguyễn Bắc Hương			Bố đẻ	CMND				Liên Bảo, Vụ Bản, Nam Định	0	0				
1.5		Vũ Thị Bích			Mẹ đẻ	CMND				Liên Bảo, Vụ Bản, Nam Định	0	0				
1.6		Nguyễn Phí Long			Anh trai	CMND				Khu đô thị Lành Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	0	0				

SĐT	M&CK	Họ tên Ngô	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ với công ty/ người nội bộ	Loại hình Giấy NSH (*) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (*)/NSH NĐ	Nơi cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trú sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu sở hữu cá nhân cổ đẻ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của công ty/ người nội bộ	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người cổ liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (thay đổi/ phân sinh/ thay đổi/ liên quan đến mức 13 và 14)	Chỉ chú (về vấn không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
1.7		Lê Thị Vân Hồng			Chị dâu	CMND			Quê CS ĐAKQL	Khu đô thị Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	0	0				
1.8		Nguyễn Viết Hưng			Em trai	CMND			Quê CS ĐAKQL	Khu đô Thị Kim Vân - Kim Lã - Hoàng Mai - Hà Nội	0	0				
1.9		Hương Hồng Nhưng			Em dâu	CMND			Quê CS ĐAKQL, cư trú về ĐLQG và địa ph	Khu đô Thị Kim Vân - Kim Lã - Hoàng Mai - Hà Nội	0	0				

17/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Thu lao Hội đồng quản trị theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI



Nguyễn Viết Việt

Số: 032/2022/TT- HĐQT

TỜ TRÌNH

(V/v: Miễn nhiệm và bầu lại Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023)

Kính gửi: Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2022

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICS) ("Công ty") hiện hành;
- Căn cứ Quy chế ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát bầu lại nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ Quy chế bầu cử lại thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Căn cứ hồ sơ đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát bầu lại nhiệm kỳ 2018 – 2023;
- Xét tình hình thực tế.

Ngày 03/05/2022, Hội đồng quản trị Công ty có nhận được đơn xin từ nhiệm chức danh thành viên Ban kiểm soát của các thành viên gồm Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ, Bà Dương Thị Trinh và Bà Hồ Thị Hiền. Nội dung đơn xin từ nhiệm đã nêu rõ vì lý do cá nhân nên không thể đảm đương được công việc Đại hội đồng cổ đông đã giao nên có nguyện vọng được Đại hội đồng cổ đông thông qua việc miễn nhiệm này. Căn cứ vào Điều lệ Công ty hiện hành ngày 26/5/2018 và Luật Doanh nghiệp 2020, Công ty phải tiến hành miễn nhiệm và bầu lại Ban Kiểm soát thay thế nhiệm kỳ 2018-2023 để đảm bảo hoạt động bình thường của Công ty. Do vậy, bằng Tờ trình này, Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua thông qua các nội dung dưới đây:

1. Miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023 đối các các thành viên:

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Bà Nguyễn Thị Hoa Huệ	Trưởng Ban kiểm soát
2	Bà Dương Thị Trinh	Thành viên Ban kiểm soát
3	Bà Hồ Thị Hiền	Thành viên Ban kiểm soát



2. Bầu lại thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2023:

- Số lượng thành viên Ban kiểm soát được bầu lại: 3 thành viên.
- Nhiệm kỳ: 2018 – 2023.
- Số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát tối đa: không hạn chế.

3. Thông qua Danh sách ứng viên đủ tiêu chuẩn và được bầu lại nhiệm kỳ 2018 – 2023 như sau:

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Địa chỉ	Trình độ chuyên môn	Chức vụ hiện nay
1	Bà Phạm Thị Tú Anh	12/07/1992	Tdp số 4 Xuân Phương, Nam Từ Liêm, Hà Nội	Cử nhân Tài chính Ngân hàng	Chuyên viên Quản lý giao dịch
2	Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	24/08/1982	8 Ngách 65, Ngõ Thịnh Quang, Thịnh Quang, Đống Đa, Hà Nội	Cử nhân kế toán	
3	Bà Vũ Thị Thanh Hải	22/08/1995	Tổ 8, khu 1, phường Hà Trung, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh	Cử nhân kế toán	

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và biểu quyết thông qua.

Trân trọng cảm ơn và kính trình!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

Tài liệu kèm theo:

- Danh sách ứng cử viên;
- Bản công bố thông tin cá nhân của ứng cử viên.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Dương Quang Trung



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 05 năm 2022

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán

1/ Họ và tên: Nguyễn Thị Kim Oanh

2/ Giới tính: Nữ

3/ Ngày tháng năm sinh: 24/08/1982

4/ Nơi sinh: Trưng Vương, Thành Phố Việt Trì, Tỉnh Phú Thọ.

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu): Ngày cấp: 10/05/2021 Nơi cấp: Cục CS QLHC và TTXH

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú:

9/ Số điện thoại:

10/ Địa chỉ email:

11/ Trình độ văn hóa: 12/12

12/ Trình độ chuyên môn: kế toán doanh nghiệp

13/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICIS)

14/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin:

15/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

16/ Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
Từ 6/2006-9/2009	Nhân viên kế toán	Công ty CP Văn Hóa Thông tin Thăng Long
T9/2009-T12/2013	Nhân viên kế toán	Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICIS)
T4/2014- nay	Nhân viên phòng mua hàng	Công ty CP Tập đoàn đầu tư Thăng Long

17/ Số CP nắm giữ: 200 CP chiếm 0,0006 % vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: CP

Stt	MA CK	Họ tên Name	Tại Khoản giao dịch chứng khoán (nếu có)	Chức vị tại đồng ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với đồng ty/ người nội bộ	Loại Giấy NSH (?) (CMND/ Passport/ Giấy ĐKKD)	Số Giấy NSH (?)/NSH No.	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Số cổ phiếu số hầu cước kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cước kỳ	Thời điểm bắt đầu là người có tiền quản của công ty/ người nội bộ	Thời điểm không còn là người có liên quan của công ty/ người nội bộ	Lý do (ghi phát sinh đầy đủ tên quan đến mục 13 và 14)	Ghi chú (về việc không có số Giấy NSH và các ghi chú khác)
1		Trần Thị Thu Hằng			Mẹ trước	CCCD		28/6/2021	Cục QLHC về TTXH	Phước Thọ						
2		Tạ Mạnh Cường			Chồng	CMND		26/05/2012	CA TP HN	Ngân Hàng Đảo Việt HN						
3		Tạ Minh Thánh			Con trước		Con nhỏ			Hà Nội						
4		Tạ Minh Khôi			Con trước		Con nhỏ			Hà Nội						
5		Tạ Hồng Tú			Bố đồng	CCCD		22/11/2021	Cục QLHC về TTXH	Hà Nội						
6		Nguyễn Thị Phấn			Mẹ đồng	CCCD		22/11/2021	Cục QLHC về TTXH	Hà Nội						
7		Nguyễn Thị Lệ Hằng			Chị gái	CCCD		16/04/2021	Cục QLHC về TTXH	Số văn hóa Tỉnh Phước Thọ						

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2022

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán

1/ Họ và tên: Vũ Thị Thanh Hải

2/ Giới tính: Nữ

3/ Ngày tháng năm sinh: 22/08/1995

4/ Nơi sinh: Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu):

Ngày cấp: 22/12/2021

Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về TTXH

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú:

9/ Số điện thoại:

10/ Địa chỉ email:

11/ Trình độ văn hóa: Đại học

12/ Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

13/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICSI)

14/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin:

15/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

16/ Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
1/8/2018- Hiện nay	Nhân viên kế toán	Công ty CP Tập đoàn Đầu tư Thăng Long

17/ Số CP nắm giữ: CP chiếm% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/tổ đồng chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: CP

+ Cá nhân sở hữu: CP

18/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không

19/ Danh sách người có liên quan của người khai*:

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019.

STT	Mô tả	Tên khoản mục	Tên khoản mục chi tiết	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính	Đơn vị tính
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1.1		Khoản 1% bán hàng																
1.2																		
1.3																		
1.4																		
1.5																		
1.6																		

20/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không

21/ Quyền lợi mâu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI



Vũ Thị Thanh Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2022

BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán

1/ Họ và tên: Phạm Thị Tú Anh

2/ Giới tính: Nữ

3/ Ngày tháng năm sinh: 12/07/1992

4/ Nơi sinh: Phúc Thành, Yên Thành, Nghệ An

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu):

Ngày cấp: 10/11/2021

Nơi cấp: Cục CS QLHC về TTXH

6/ Quốc tịch: Việt Nam

7/ Dân tộc: Kinh

8/ Địa chỉ thường trú:

9/ Số điện thoại:

10/ Địa chỉ email:

11/ Trình độ văn hóa: 12/12

12/ Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính – ngân hàng

13/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin: Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VICSI)

14/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin:

15/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

16/ Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ	Đơn vị công tác
04/2014-12/2016	Nhân viên	Công ty Cổ phần đầu tư F.I.T
01/2017-02/2022	Chuyên viên	Công ty Cổ phần Chứng khoán Stanley Brothers
03-2022-Hiện tại	Chuyên viên	CTCP Chứng khoán thương mại và công nghiệp Việt Nam

17/ Số CP nắm giữ: CP chiếm% vốn điều lệ, trong đó:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu: CP

+ Cá nhân sở hữu:CP

18/ Các cam kết nắm giữ (nếu có): Không

19/ Danh sách người có liên quan của người khai*:

* Người có liên quan theo quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán ngày 28 tháng 11 năm 2019.

STT	Họ tên Name	Tên Mô tả giao dịch đồng nghiệp hoặc cá nhân	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Mối quan hệ đối với đồng nghiệp hoặc cá nhân	Loại hình giấy NH CT (CMHC) Passport Giấy điền (BKKD)	Số Giấy NH CT NH Số	Ngày cấp	Nơi cấp	Đơn vị tư vấn/ Địa điểm nộp	Số có phiếu có hiệu lực	Tỷ lệ số hiệu có hiệu lực	Thời điểm đưa ra phiên bản sửa đổi đồng nghiệp hoặc cá nhân
1												
1.1	Phạm Văn Tuấn			Bố ruột	CCCC		20/06/2021	Quỹ Cổ QLHC và TTXH				
1.2	Phạm Thị Thị Thủy			Mẹ ruột	CCCC		11/06/2021	Quỹ Cổ QLHC và TTXH				
1.3	Nguyễn Trang Kiên			Chồng	CCCC		10/11/2021	Quỹ Cổ QLHC và TTXH				
1.4	Nguyễn Tô Dương			Còn	Cán nhân							
1.5	Nguyễn Văn Quang			Còn	Cán nhân							
1.6	Nguyễn Đức Khánh			Bố chồng	CCCC		01/06/2021	Quỹ Cổ QLHC và TTXH				
1.7	Nguyễn Thị Chung			Mẹ chồng	CCCC		01/06/2021	Quỹ Cổ QLHC và TTXH				


ST	Mã DK	Họ tên Name	Tên khoản tiền (nếu có)	Chức vụ (nếu có)	Mối quan hệ đối với công ty nhận thầu (nếu có)	Loại hình Công ty nhận thầu (Contractor/Passport Code)	Số Giấy xác nhận (nếu có)	Hạng cấp	Kin cấp	Địa chỉ cư trú hiện tại (nếu có)	Số cơ cấu an ninh quốc gia	Tỷ lệ số tiền số phiếu mua kỹ	Thời điểm bắt đầu là nhân viên quan của công ty (nếu có)
1	2	2	4	5	5	7	8	9	10	11	12	13	14
1.6		Phạm Thị Phương Liên			Em gái	CCCC		150832001	Que CE QUANG MỸ TỈNH	Hà Nội			

20/ Lợi ích liên quan đối với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không

21/ Quyền lợi mẫu thuẫn với công ty đại chúng, quỹ đại chúng (nếu có): Không

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

NGƯỜI KHAI


Phạm Thị Từ Anh